



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA

Địa chỉ: 573 Núi Thành - Quận Hải Châu – Tp.Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3653592

Fax: 0236.3653593

Email: sba2007@songba.vn

Website: www.songba.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016



ĐÀ NẴNG 2017



Ông Nguyễn Thành
Chủ tịch HĐQT

Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa Quý Cổ đông,

Lời đầu tiên, thay mặt Hội đồng quản trị tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý Cổ đông, các đối tác đã tin tưởng, đồng hành cùng sự phát triển của Công ty trong thời gian qua.

Là một doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực thủy điện nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Sông Ba chịu tác động của thời tiết, thủy văn. Năm 2016, thời tiết tiếp tục diễn biến thất thường, thiếu nước trầm trọng vào mùa khô và lũ đến muộn vào mùa mưa nhưng kết quả doanh thu sản xuất điện năm 2016 đạt 101,81%, lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 1.065 đồng, vượt 5,13% so kế hoạch và dự kiến trả cổ tức bằng tiền 1.000 đồng/CP, đạt 100% so kế hoạch đề ra.

Để đạt được thành quả trên, từ cuối năm 2015, Công ty đã nghiên cứu về nhiệt độ nước biển Thái Bình Dương của Hải quân Hoa Kỳ, đã nhận định hiện tượng El Nino sẽ kết thúc vào tháng 6/2016 và lũ sẽ đến muộn hơn dự kiến. Từ đó, Công ty đã lập kế hoạch vận hành 2 nhà máy Krông H' năng và Khe Diên phù hợp theo thị trường phát điện cạnh tranh và chi phí tránh được. Đầu năm 2016, Công ty đã giữ nước trong hồ Krông H' năng để phát điện lúc giá cao nhất theo thị trường phát điện cạnh tranh và giữ nước hồ Khe Diên để đảm bảo phát toàn bộ giờ cao điểm giá cao theo Biểu giá chi phí tránh được.

Bên cạnh đó, việc đàm phán thành công tăng giá bán điện của nhà máy Krông H' năng và mở rộng hoạt động dịch vụ tư vấn cũng là những điểm nhấn hết sức quan trọng. Trong năm 2016, Công ty đã ký hợp đồng dịch vụ tư vấn với các chủ đầu tư, tổng giá trị lên đến 21,77 tỷ đồng, một con số đáng kể khi một công ty sản xuất điện phát triển thêm về mảng dịch vụ tư vấn. Với hoạt động dịch vụ tư vấn này đã kích thích sự say mê, sáng tạo, gia tăng thêm thu nhập cho CBNV và Công ty.

Nhờ đó, mặc dù sản lượng của nhà máy Krông H' năng mười tháng đầu năm đạt 40% và cuối năm chưa đạt kế hoạch (138,81/140 triệu kWh), nhưng doanh thu đạt 166,07/162,4 tỷ đồng, vượt 2,26% so kế hoạch năm. Nhà máy Khe Diên sản lượng mười tháng đầu năm đạt 54% và cuối năm đạt 93,75% so kế hoạch nhưng doanh thu vẫn đạt 97,95% kế hoạch, giá bán điện bình quân là 1.218 đồng/kWh, tăng 10% so với năm 2015. Kết quả, doanh thu sản xuất điện năm 2016 đạt 101,81% và lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 1.065 đồng, vượt 5,13% so kế hoạch đề ra.

Hiện tượng El Nino đã vào cuối giai đoạn, thời tiết đã chuyển từ trạng thái mưa vừa đến mưa lũ nên nước đã về đầy hai hồ của Công ty vào đầu năm 2017. Yếu tố quan trọng này, kết hợp với sự đam mê nghiên cứu sáng kiến, cải tiến, hứa hẹn năm 2017 sẽ là năm nhảy vọt trong hoạt động kinh doanh, chấm dứt chuỗi khó khăn trong những năm qua và mở ra giai đoạn tươi sáng trong thời gian đến.

Mỗi một thành quả trên chặng đường phát triển của Công ty Cổ phần Sông Ba không chỉ là nỗ lực của riêng Hội đồng Quản trị, của Ban Tổng Giám đốc mà quan trọng hơn đó là niềm tin của Quý Cổ đông, các đối tác và đặc biệt là sự nhiệt huyết, nỗ lực, sáng tạo không biết mệt mỏi của tập thể CBCNV.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, một lần nữa, tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn đến tất cả quý vị đã tin tưởng chúng tôi. Chúng tôi hứa sẽ không bao giờ phụ niềm tin yêu đó. Chặng đường phía trước đầy triển vọng nhưng không ít những thách thức, chúng tôi hi vọng sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và đồng hành của Quý vị để đạt được những thành công ngày càng lớn hơn.

Trân trọng

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Nguyễn Thành



Phần I
THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA

Tên tiếng anh: SONG BA JOINT STOCK COMPANY

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400439955
đăng ký lần đầu ngày 24/07/2007, thay đổi lần thứ 10 ngày
16/02/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Vốn điều lệ: 604.882.610.000 đồng.

Vốn chủ sở hữu: 604.882.610.000 đồng.

Địa chỉ: 573 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải
Châu, Thành Phố Đà Nẵng.

Số điện thoại: 0236.3653.592

Số fax: 0236.3653.593

Website: www.songba.vn

Mã cổ phiếu: SBA

THÔNG TIN CHUNG

Quá trình hình thành và phát triển

1/2003

Ngày thành lập Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba – tiền thân của Công ty Cổ phần Sông Ba - với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng theo hợp đồng liên doanh giữa Công ty Điện Lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (EVNCPC) thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam.

5/2007

Chuyển đổi thành Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba gồm 07 thành viên với vốn điều lệ đăng ký là 500 tỷ đồng và Hội đồng thành viên đã ra nghị quyết góp vốn theo tiến độ đầu tư các dự án thủy điện của Công ty.

2005

Chuyển đổi thành Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba gồm 07 thành viên với vốn điều lệ đăng ký là 500 tỷ đồng và Hội đồng thành viên đã ra nghị quyết góp vốn theo tiến độ đầu tư các dự án thủy điện của Công ty.

7/2007

chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Sông Ba.





2009

Công ty thực hiện nghị quyết góp vốn theo tiến độ và huy động thành công 5 đợt góp vốn từ cổ đông hiện hữu và CBCNV để mang tổng số vốn góp tính đến thời điểm 31/12/2009 là 450 tỷ đồng.

2011

Chuyển đổi hợp đồng mua bán điện của NMTĐ Khe Diên sang áp dụng biểu giá chi phí tránh được

6/2010

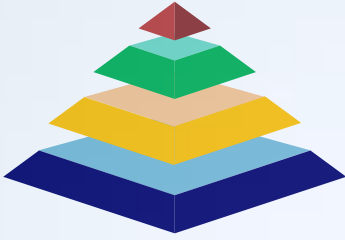
45.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sông Ba đã chính thức niêm yết tại SGDCK HCM với mã chứng khoán: **SBA**.

2013

Công ty niêm yết bổ sung 8.000.000 cổ phiếu SBA tại SGDCK HCM, nâng tổng số cổ phiếu SBA niêm yết 60.488.261 cổ phiếu.



Những hoạt động nổi bật trong năm 2016



Đàm phán lại giá bán điện NMTĐ Krông H'năng: Tăng từ 878,67 đ/kWh lên 1040 đ/kWh

Nghiên cứu thành công và đưa vào ứng dụng thực tiễn Thiết bị đo mực nước hồ cấp chính xác milimét phục vụ vận hành hồ chứa thủy điện

Đến cuối tháng 12/2016: Hai hồ thủy điện Krông H'năng và Khe Diên tích đầy nước

Tham gia và giới thiệu tại chợ Công nghệ và Thiết bị Hà Nội 2016 (Techmart Hà Nội năm 2016), thiết bị đo mua tự động gửi tin nhắn, và thiết bị đo mực nước hồ cấp chính xác milimét

Dịch vụ tư vấn: Ký các hợp đồng tư vấn với tổng giá trị 21,77 tỷ đồng (đánh dấu bước phát triển mới của Công ty trong lĩnh vực dịch vụ tư vấn)

Những thành tích đạt được trong năm



Được chứng nhận đạt "Doanh nghiệp mạnh và phát triển bền vững năm 2016" do VCCI cấp tháng 12/2016



Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Nam “Thành tích xuất sắc trong thực hiện Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2011-2015”



Giấy khen của Sở LĐ-TB&XH Thành phố Đà Nẵng “Đã có thành tích tốt trong việc chấp hành pháp luật lao động”

Ngành nghề kinh doanh



Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng;

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện có công suất đến 30MW, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV; Tư vấn giám sát xây dựng, quản lý dự án các công trình thủy điện vừa và nhỏ

đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Tư vấn kiểm định, giám định chất lượng đập và công trình xây dựng thủy điện; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật (giao thông, hạ tầng cấp nước sinh hoạt nông thôn); Tư vấn điều tra, thu thập, tính toán, dự báo về khí tượng, thủy văn các giai đoạn



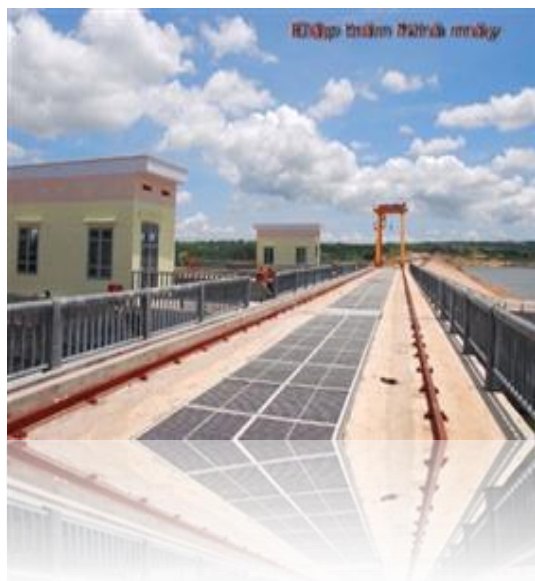
xây dựng công trình; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, hồ nuôi trồng thủy sản, công trình bảo vệ bờ sông, bờ biển; Tư vấn giám định chất lượng các loại công trình xây dựng; Khảo sát trắc địa công trình.

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Xây dựng các công trình thủy điện có công suất đến 30MW, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV;

Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy thủy điện; Xây dựng các công trình xây dựng vừa và nhỏ;

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng sản; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét lòng hồ;

Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Tư vấn đào tạo nghề (quản lý, vận hành nhà máy thủy điện);



Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn giải pháp về môi trường, tái định canh, tái định cư;

Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng;

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị cơ điện;

Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Nghiên cứu chế tạo phần cơ khí

phần điện thuộc nhà máy thủy điện; Chuyển giao công nghệ về kỹ thuật xây dựng, thiết bị;

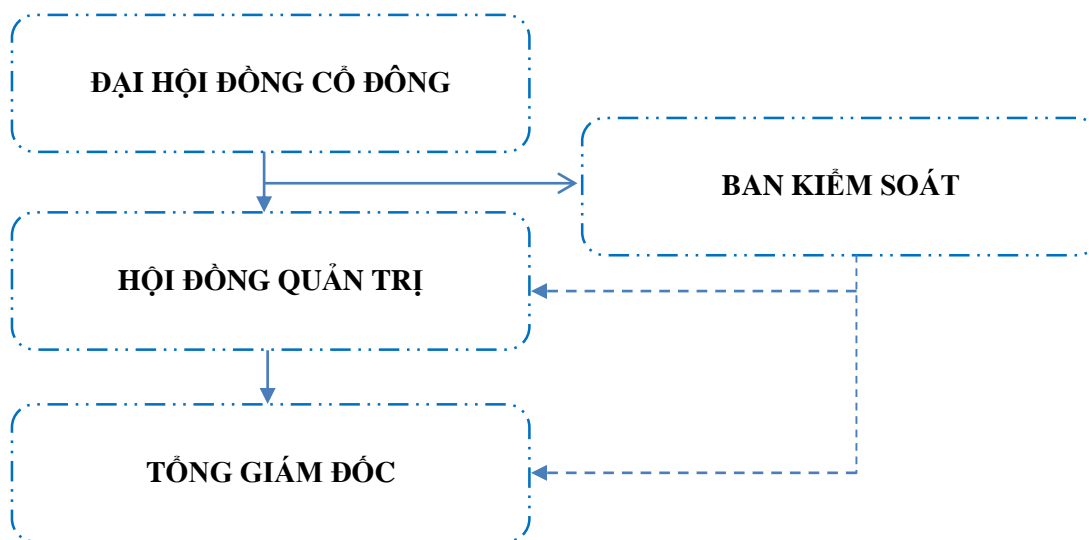
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê đất, nhà xưởng, kho bãi

Địa bàn kinh doanh

Địa bàn kinh doanh của Công ty chủ yếu là khu vực miền Trung.



Mô hình quản trị



Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan:

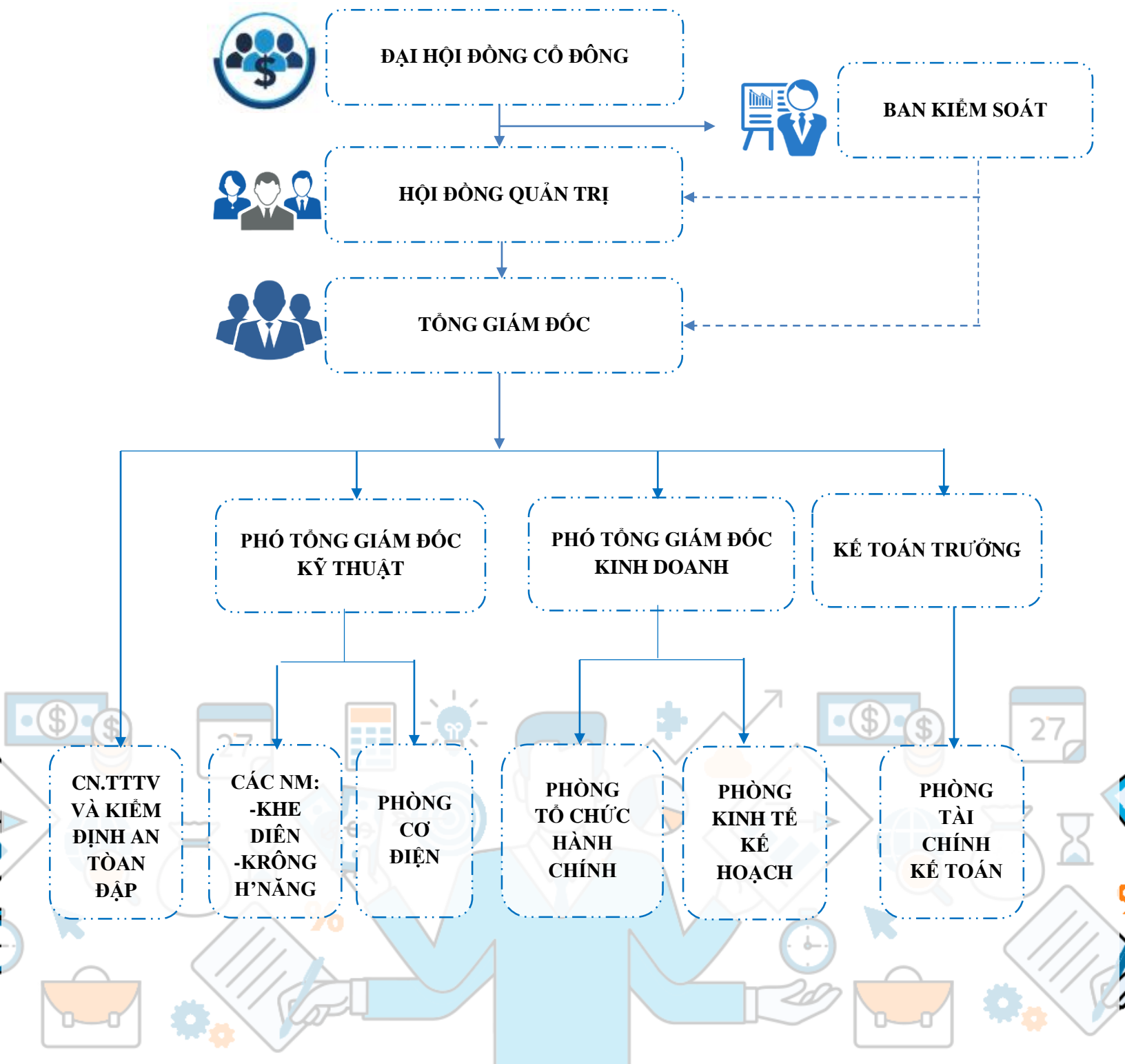
Đại hội đồng cổ đông: bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc có nhiệm vụ triển khai, thực thi các Nghị quyết của HĐQT và chịu sự kiểm tra, giám sát của HĐQT.

Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty.

Cơ cấu bộ máy quản lý



Các chi nhánh, công ty con, công ty liên kết



Nhà máy Thủy điện Khe Diên – Quảng Nam

Tên Chi nhánh: Nhà máy Thủy điện Khe Diên

Địa chỉ: Xã Phước Ninh, Huyện Nông Sơn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng

Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng



Nhà máy Thủy điện Krông H'ăng – Phú Yên

Tên Chi nhánh: Nhà máy Thủy điện Krông H'ăng

Địa chỉ: Thôn 2/4, Xã Ealy, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng

Chi tiết: Sản xuất kinh doanh điện năng

Tên Chi nhánh: Trung tâm Tư vấn

và Kiểm định an toàn đập

Địa chỉ: 573 Núi Thành (Tầng 3), Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Lĩnh vực kinh doanh chính: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

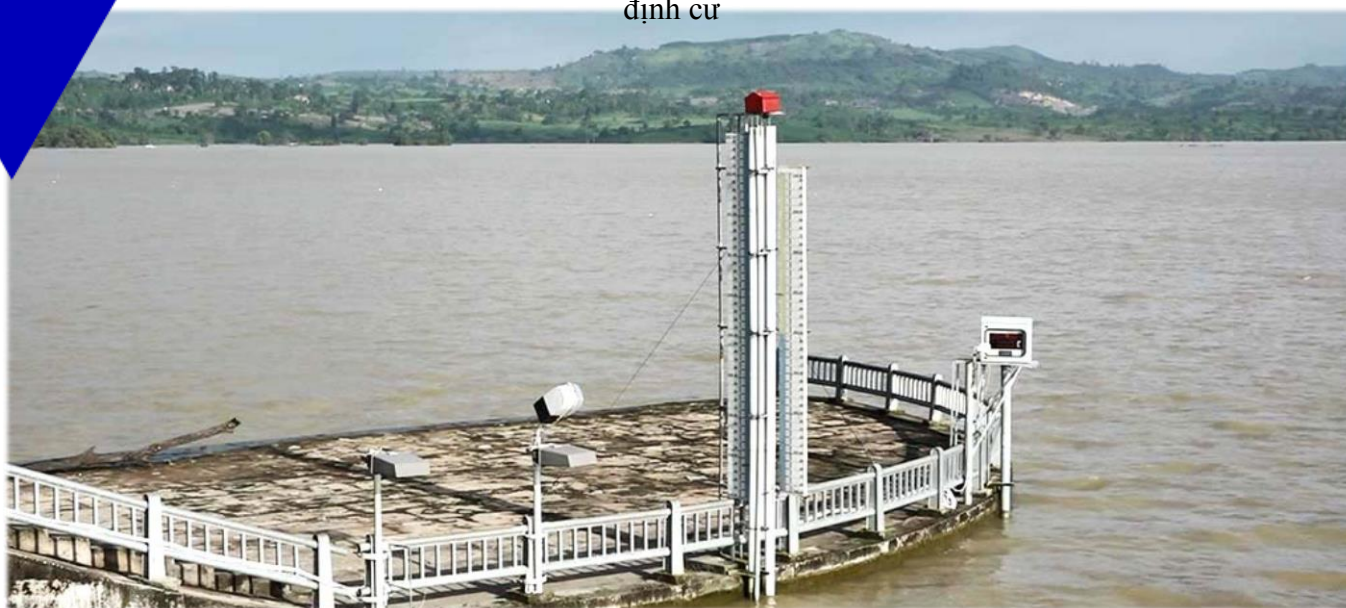
Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế các công trình thủy điện

có công suất đến 30MW, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV. Tư vấn, quản lý dự án

các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV. Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện. Tư vấn kiểm định, giám định chất lượng đập và công trình xây dựng thủy điện; Tư vấn điều tra, thu thập, tính toán, dự báo về khí tượng, thủy văn các giai đoạn xây dựng công trình; Khảo sát, thiết kế các công trình thủy lợi; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật (giao thông, hạ tầng, cấp nước sinh hoạt nông thôn); Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình: thủy lợi, giao thông, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, hồ nuôi trồng thủy sản, công trình bảo vệ bờ sông, bờ biển; Tư vấn kiểm định, giám định chất lượng các loại công trình xây dựng.

Hoạt động tư vấn quản lý

Chi tiết: Tư vấn giải pháp về môi trường, tái định canh, tái định cư



Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

✦ Hoạt động sản xuất kinh

doanh: Vận hành an toàn, ổn định các nhà máy thủy điện hiện có. Đầu tư mở rộng NMTĐ Khe Diên (tăng công suất lên 15 MW). Phát triển công tác tư vấn thuê và các dịch vụ kỹ thuật cho các NMTĐ.

✦ Người lao động:

Thông qua những việc làm thiết thực để nâng cao thu nhập đối với người lao động và gia đình của người lao động. Đầu tư phát triển công tác nghiên cứu Sáng kiến, cải tiến để nâng cao hình ảnh,

thương hiệu và giá trị lao động của CBNV Công ty. Thu hút, sàng lọc để trong ngôi nhà SBA là những người có tài năng, trí tuệ, tâm huyết, kinh nghiệm và lòng trung thành nhằm đưa công ty phát triển hiệu quả, bền vững, mang đậm nét văn hóa doanh nghiệp riêng của SBA.

✦ Cổ đông và nhà đầu tư:

Đây chính là chiếc gương soi của SBA và các đối tác chiến lược. Lợi ích của Cổ đông và nhà đầu tư chính là động lực để SBA phải luôn nỗ lực, phấn đấu mang lại hiệu quả cao nhất, đảm bảo hài hòa giữa Công ty, người lao động và cổ đông

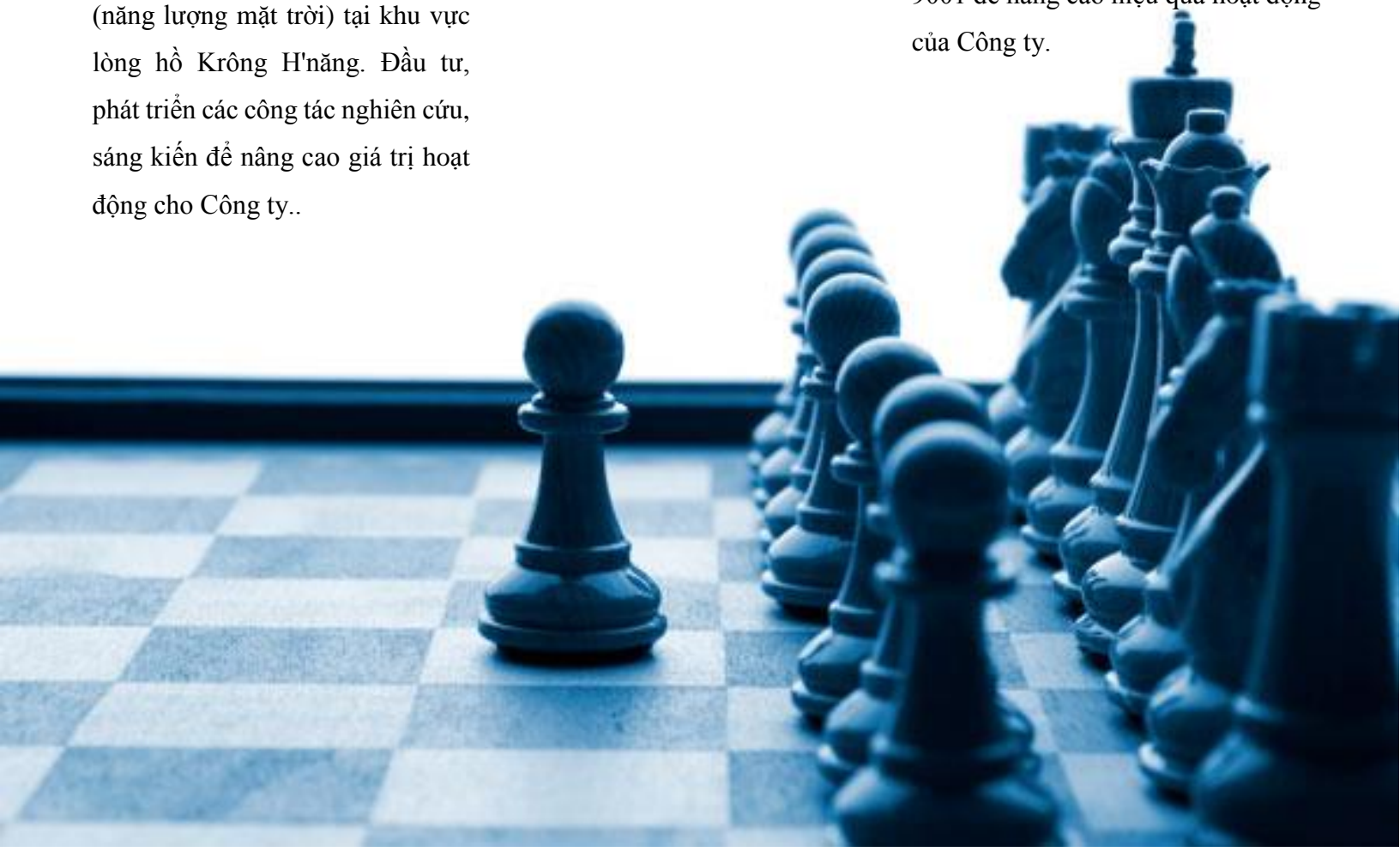


Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Đầu tư xây dựng các dự án, phát triển các nghiên cứu: Đầu tư xây dựng mới các nhà máy thủy điện (Sông Tranh 1, Krông H'năng 2). Đầu tư lĩnh vực năng lượng sạch (năng lượng mặt trời) tại khu vực lòng hồ Krông H'năng. Đầu tư, phát triển các công tác nghiên cứu, sáng kiến để nâng cao giá trị hoạt động cho Công ty..

Phát triển dịch vụ tư vấn: Thực hiện công tác tư vấn cho các đơn vị bên ngoài như thực hiện cho chính Công ty để nâng cao uy tín, thương hiệu, hình ảnh của SBA đối với khách hàng, đối tác nhằm phát triển mở rộng mảng dịch vụ tư vấn.

Quản lý, vận hành sản xuất các nhà máy đạt hiệu quả. Hoàn thiện các công tác, giải pháp để tăng sản lượng điện, doanh thu: Xây dựng quy trình vận hành tối ưu điều tiết hồ chứa. Vận hành xả lũ tốt, không ảnh hưởng đối với đồng bào vùng hạ du. Nghiên cứu các giải pháp để tăng dung tích hồ chứa đối với nhà máy thủy điện Khe Diên. Vận hành tốt Nhà máy khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh, tối đa doanh thu theo biểu giá chi phí tránh được. Liên tục cải tiến, đổi mới HTQLCL theo ISO 9001 để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.



Các nhân tố rủi ro

Rủi ro kinh tế

Tăng trưởng kinh tế

Trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động, nền kinh tế Việt Nam đã bộc lộ những dấu hiệu cho thấy tính dễ bị tổn thương trước các cú sốc. Tăng trưởng kinh tế của 2 quý đầu năm 2016 lần lượt là 5,48% và 5,78% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù, được phục hồi trong nửa cuối năm nhưng tăng trưởng kinh tế cả năm chỉ đạt 6,21%, thấp hơn mức 6,68% năm 2015 và mục tiêu 6,3% mà Chính phủ đặt ra trong phiên họp thường kỳ tháng 9/2016.

Hoạt động kinh doanh của công ty gắn liền với việc sử dụng điện – loại năng lượng cần thiết cho mọi hoạt động sản xuất, vận hành trong nền kinh tế. Do vậy tình hình kinh tế có tác động trực tiếp đến điều kiện sản xuất của công ty. Sự cải thiện cũng như tiến trình tái cơ cấu, chuyển dịch của nền kinh tế đã và đang thúc đẩy mạnh như cầu tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt ở khu vực công nghiệp. Các doanh nghiệp sẽ tăng quy mô sản xuất để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và đối tác. Đây là điều kiện để dẫn đến việc nhu cầu sử dụng điện tăng nhanh trong thời kỳ kinh tế tăng trưởng.



Lãi suất

Năm 2016, NHNN thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế trên tinh thần “cố gắng giữ nguyên mức lãi suất điều hành, hỗ trợ, giảm bớt áp lực về giới hạn an toàn” (các chỉ tiêu an toàn được quy định với thời hạn, lộ trình cụ thể); chỉ đạo các tổ chức tín dụng rà soát, đảm bảo thanh khoản ở các kỳ hạn và tăng trưởng tín dụng một cách hợp lý, giảm bớt áp lực về chênh lệch kỳ hạn; chưa nâng mạnh ngay hệ số rủi ro cho vay bất động sản; giãn lộ trình nâng giới hạn tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn; mở lại tín dụng ngoại tệ. Những động



Rủi ro luật pháp

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật thuế, Luật Điện lực và các quy định khác của Chính phủ liên quan đến ngành điện...

Hiện nay, hệ thống luật pháp của Việt Nam chưa được đồng bộ và đang trong quá trình sửa đổi hoàn thiện, do đó việc thay đổi những quy định chính sách sẽ ảnh hưởng đến Công ty. Vì vậy, Công ty cần hiểu rõ những quy định của pháp luật để tránh khỏi những rủi ro pháp lý.

thái tích cực đó đã góp phần giảm sức ép lên lãi suất đối với các tổ chức tín dụng. Kết quả đạt được là mặt bằng lãi suất cả năm 2016 ổn định, góp phần cân bằng và phát triển kinh tế đất nước.

Với đặc thù của hoạt động đầu tư xây dựng ngành điện là cần nguồn vốn lớn, trong đó nguồn vốn vay thường chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu vốn. Vì thế, những biến động của lãi suất sẽ ảnh hưởng rất lớn đến khả năng huy động nguồn vốn để đầu tư dự án cũng như tác động trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của SBA. Vì vậy, Ban điều hành Công ty luôn chú trọng để có những biện pháp quản trị kịp thời, tránh những tác động xấu ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của SBA.



Rủi ro đặc thù ngành

Điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất tới các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Sản lượng và hiệu quả của nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn nước. Nắm bắt được tầm quan trọng của vấn đề đó, khi xác lập thông số thủy văn, Công ty đã chọn phương án thiên về an toàn sản lượng điện hàng năm. Công ty luôn theo dõi và nắm vững những dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án dự phòng vận hành điều tiết hồ theo phương án tối ưu nhất. Công ty đã nghiên cứu chuỗi thủy văn nhiều năm, và dự báo lưu lượng nước về hồ bằng Phương pháp dự báo thủy văn theo hiện tượng ENSO. Từ đó, tính ra dòng tiền thực để cân đối hợp lý nhất quá trình vận hành.

Bên cạnh đó, SBA luôn chủ động trong việc phòng chống bão lụt, các phương án đã được nghiên cứu vận hành điều chỉnh hợp lý hàng năm nên luôn đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và đồng bào hạ du. Ngoài ra, Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái vì mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai. Với những kết quả đạt được, Công ty được UBND tỉnh Phú Yên, UBND tỉnh Quảng Nam, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường Công nghiệp - Bộ Công thương đánh giá cao. Công ty đã được Bộ Công Thương mời đóng góp ý kiến tại Hội nghị về vận hành an toàn hồ chứa thủy điện tổ chức vào ngày 17/3/2017.

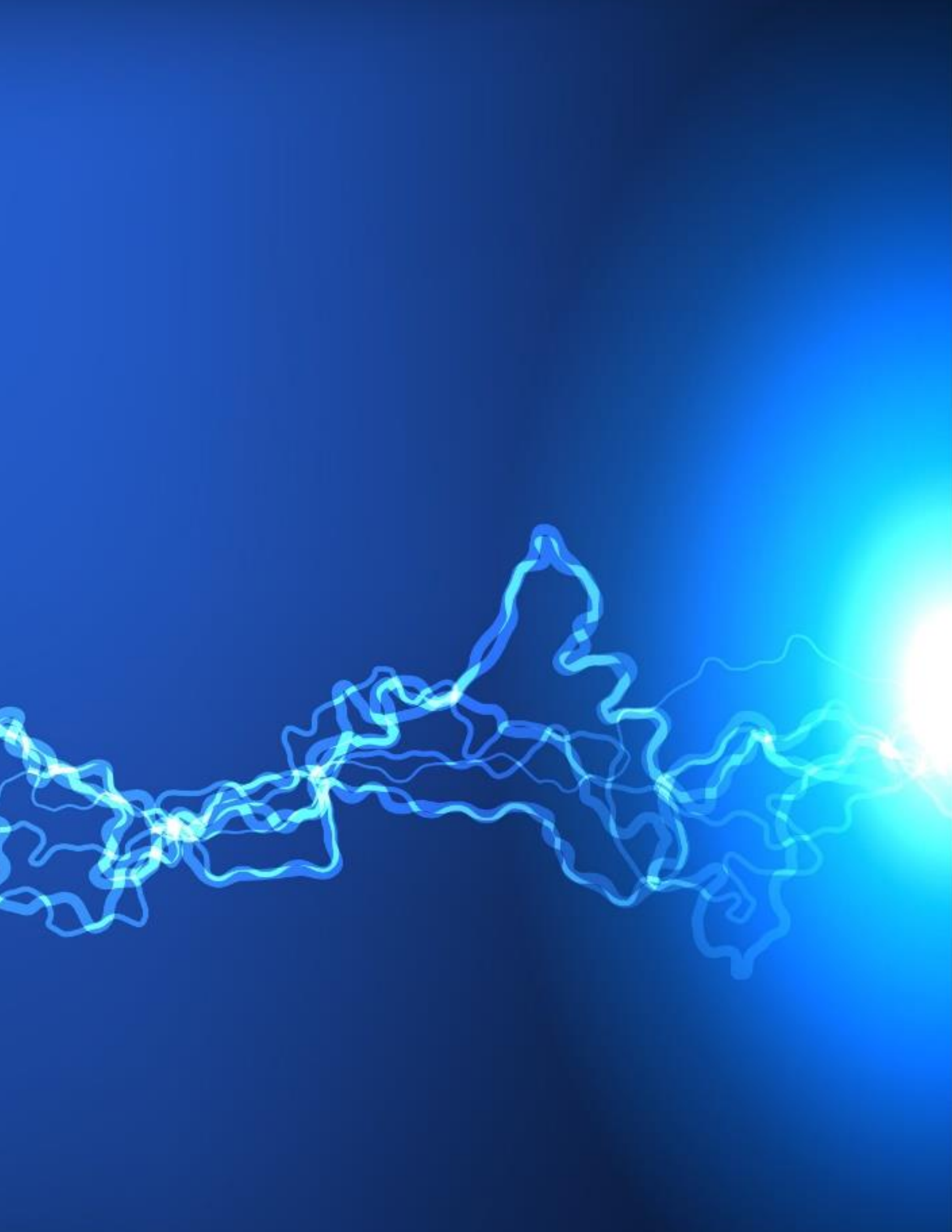
Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro khác có thể xảy ra trong các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn... Tuy ít xảy ra nhưng để dự báo trước những rủi ro này là rất khó, và thường gây thiệt hại lớn cho công ty khi phát sinh. Nhằm hạn chế tối đa những ảnh hưởng nghiêm trọng của những rủi ro này đến quá trình sản xuất kinh doanh của công ty, SBA chủ động mua



Phần II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết thúc năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh của SBA như sau:

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	% Tăng/ Giảm
1	Doanh thu thuần	194.925,78	211.905,17	8,71%
2	Giá vốn hàng bán	67.181,70	67.903,95	1,08%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	87,21	33,27	-61,85%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	71.997,15	73.900,14	2,64%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	55.834,13	70.134,35	25,61%
6	Lợi nhuận khác	1.688,56	-517,52	-
7	Lợi nhuận trước thuế	57.522,70	69.616,83	21,02%
8	Lợi nhuận sau thuế	51.769,77	64.207,11	24,02%
9	EPS	822	1.065	29,56%

Trong năm 2016, doanh thu thuần của SBA đạt 211,9 tỷ đồng, tăng trưởng 8,71% so với cùng kỳ năm 2015. Doanh thu tăng trưởng là do trong nửa cuối năm, hiện tượng El Nino vào cuối chu kỳ và kết thúc, lượng nước về hai hồ NMTĐ Krông H'nh và NMTĐ Khe Diên cải thiện đáng kể. Ngoài ra, do Công ty vận hành NMTĐ Khe Diên theo biểu giá chi phí tránh được và NMTĐ Krông H'nh theo thị trường phát điện cạnh tranh linh hoạt và tăng sản lượng nên doanh thu trong năm 2016 tăng trưởng so với 2015.

Tổng các chi phí bán hàng, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp có sự tăng nhẹ so với năm 2015

Biên lợi nhuận gộp đã có sự cải thiện, tăng từ 65,53% ở năm 2015 lên 67,96% trong năm 2016. Đặc biệt, lợi nhuận sau thuế của SBA tăng đến 24,02% so với năm 2015. Do công tác dự báo lưu lượng nước về hai hồ thủy điện Khe Diên và Krông H'nh theo dữ liệu ENSO (El Nino và La Nina) hợp lý, giúp Công ty chủ động trong việc vận hành các nhà máy, quản lý hiệu quả các chi phí hoạt động. Ngoài ra trong năm 2016, sự phát triển của dịch vụ tư vấn cũng góp phần thúc đẩy doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng.

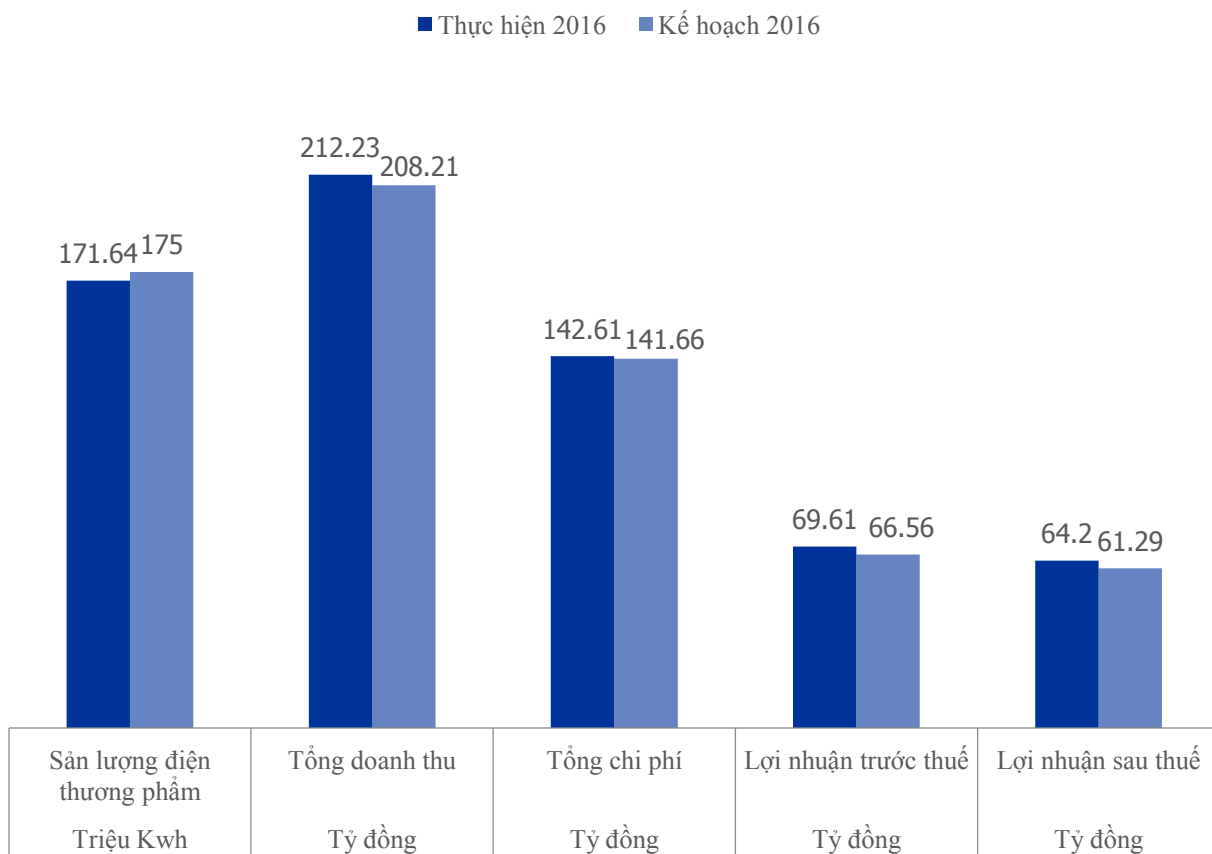


Tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Thực hiện/ Kế hoạch
Sản lượng điện thương phẩm	Triệu Kwh	175,00	171,64	98,08%
<i>NMTĐ Khe Diên</i>	Triệu Kwh	35,00	32,82	93,77%
<i>NMTĐ Krông H'nh</i>	Triệu Kwh	140,00	138,82	99,16%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	208,21	211,90	101,77%
Từ sản xuất điện	Tỷ đồng	203,21	206,89	101,81%
<i>NTMĐ Khe Diên</i>	Tỷ đồng	40,81	39,99	97,99%
<i>NMTĐ Krông H'nh</i>	Tỷ đồng	162,40	166,89	102,76%
Từ dịch vụ tư vấn	Tỷ đồng	5,00	5,01	100,20%
Tổng chi phí	Tỷ đồng	141,66	141,80	100,10%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	66,56	69,61	104,58%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	61,29	64,20	104,75%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	Đồng/CP	1.013	1.065	105,13%
Cổ tức	Đồng/CP	1.000	1.000	100,00%

Đánh giá về tổng quan, các chỉ tiêu kế hoạch được đề ra trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên về cơ bản đã hoàn thành một cách xuất sắc. Tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế đều vượt mức kế hoạch, lần lượt là 1,77% và 4,75%. Mức cổ tức chi trả là 1.000 đồng/CP, hoàn thành 100% kế hoạch. Kết quả đạt được là sự nỗ lực của việc sử dụng nhiều biện pháp do ban điều hành đề ra như dự báo lưu lượng nước về hai hồ thủy điện Khe Diên và Krông H'nh hợp lý, phát triển dịch vụ tư vấn giúp thúc đẩy tăng trưởng doanh thu, hạn chế tối đa chi phí, mang lại lợi nhuận cho Công ty

Thành quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được không thể không kể đến sự đóng góp của đội ngũ người lao động chuyên nghiệp trong thực hiện, kiểm soát công tác chuyên môn và quản lý, hoàn thành các các nhu cầu đặt ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành

Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ
Phạm Phong	Tổng Giám đốc	312.175	0,52%
Nguyễn Thế Duy	Phó Tổng Giám đốc	496	0,001%
Phạm Thái Hùng	Kế toán trưởng	-	-

Giới thiệu thành viên ban điều hành



Ông Phạm Phong - Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện - Chuyên ngành Hệ thống điện;

Thạc sỹ, kỹ sư cơ khí - chuyên ngành Chế tạo máy

Quá trình công tác:

Từ 1981 - 1994, Điện lực Quảng Nam Đà Nẵng. Chức vụ: Cán bộ Kỹ thuật.

Từ 1994 - 1997, Điện lực Quảng Nam Đà Nẵng. Chức vụ: Quản đốc, Phân xưởng cơ điện.

Từ 1997 - 2001, Điện lực Quảng Nam. Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư.

Từ 2001 – 2002, Trung tâm thiết kế điện - Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Phó Giám đốc.

Từ 2003 đến nay, Công ty Cổ phần Sông Ba. Chức vụ: Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Thế Duy - Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện

Quá trình công tác:

Từ tháng 05/2004 - tháng 08/2007, Công ty Cổ phần Sông Ba. Chức vụ: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật.

Từ tháng 09/2007 - tháng 01/2008, Công ty Cổ phần Sông Ba. Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Cơ điện.

Từ tháng 02/2008 – tháng 04/2010, Công ty Cổ phần Sông Ba. Chức vụ: Phó Ban Chỉ huy Công trình thủy điện Krông H'nh 2.

Từ tháng 05/2010 – tháng 04/2014, Công ty Cổ phần Sông Ba. Chức vụ : Trưởng Phòng Kinh tế - Kế hoạch.

Từ tháng 05/2014 đến nay, Công ty Cổ phần Sông Ba. Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Thái Hùng - Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế - Chuyên ngành kế toán

Từ 2003 – 2004, Công ty TNHH Mỹ Anh, Quảng Bình

Chức vụ: Kế toán Trưởng

Từ 2004 – 6/2009: Công ty Cổ phần Bông vải Miền trung. Chức vụ: Kế toán trưởng

Từ tháng 07/2009 – tháng 08/2009, Công ty CP Sông Ba. Chức vụ: Phó phòng Tài chính – Kế toán.

Từ tháng 09/2009 – tháng 12/2009, Công ty CP Sông Ba. Chức vụ: Phụ trách Phòng Tài chính – Kế toán.

Từ tháng 01/2010 đến nay, Công ty CP Sông Ba. Chức vụ: Kế toán Trưởng





Trong năm 2016, Công ty Cổ phần Sông Ba không có sự thay đổi trong ban điều hành.

Tình hình lao động

Tính đến 31/12/2016, tổng số lao động của Công ty là 101 người với cơ cấu cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động		
1	Đại học và trên Đại học	45	44,55%
2	Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	27	26,73%
3	Sơ cấp, Công nhân kỹ thuật	23	22,77%
4	Lao động phổ thông	6	5,94%
II	Theo đối tượng lao động		
1	Lao động trực tiếp	42	41,58%
2	Lao động gián tiếp	59	58,42%
III	Theo giới tính		
1	Nam	98	97,03%
2	Nữ	3	2,97%
	Tổng cộng	101	100,00%

Chính sách đào tạo và phát triển



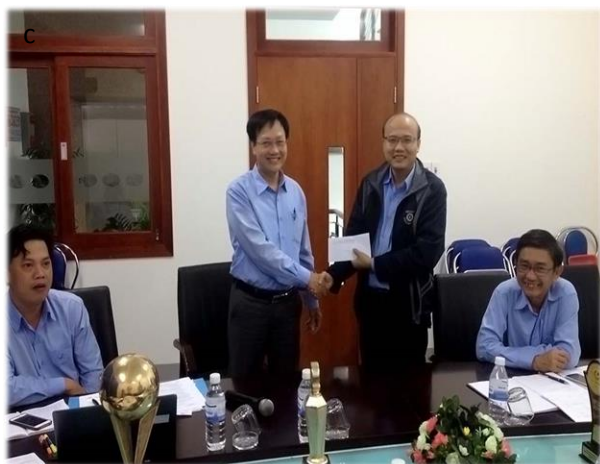
Công ty xem đào tạo và phát triển là một sự đầu tư dài hạn tích cực cho đội ngũ CBCNV, làm nền tảng cho các chiến lược phát triển lâu dài. Các hoạt động bồi dưỡng, học tập nâng cao kiến thức về trình độ chuyên môn bằng cách thức phù hợp như đào tạo tại chỗ, gửi đi các khóa đào tạo chuyên môn ngắn và dài hạn trong và ngoài nước; tạo điều kiện cho các cán bộ kỹ thuật thâm nhập thực tế ở các dự án thủy điện đang triển khai, tại Nhà máy Thủy điện của Công ty nhằm tích lũy và nâng cao trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc.

Chế độ lao động

Công ty luôn cam kết và đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động. Hàng quý tổ chức sinh nhật cho Người lao động trong Công ty. Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ xét nâng lương định kỳ theo quy chế lương cho cán bộ công nhân viên của Công ty

Bên cạnh đó, các công tác bảo hộ an toàn lao động, phòng chống cháy nổ trong Nhà máy, Công trường xây dựng cũng được Công ty quan tâm đúng mức. Công ty đã ban hành hệ thống các qui định về an toàn lao động, tổ chức huấn luyện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ cho công nhân viên; tổ chức kiểm tra định kỳ về an toàn của các thiết bị máy móc, các công trình thủy công, vì một môi trường làm việc an toàn, giúp cán bộ, nhân viên lao động an tâm thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh.





Chính sách khen thưởng

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng và kịp thời đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.



Chính sách phúc lợi

Công ty luôn chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên giúp người lao động yên tâm công tác: Cho vay không lãi để hỗ trợ CBCNV ở xa có nhu cầu làm nhà định cư tại nơi công tác, thăm hỏi động viên người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, tặng quà các ngày lễ tết, đảm bảo an ninh trật tự ...



Chính sách bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe

Ngoài chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nhân viên theo quy định của Nhà nước, nhân viên của Công ty còn được tổ chức khám sức khỏe và xét nghiệm kiểm tra bệnh tật định kỳ mỗi năm/lần tại các cơ sở y tế có uy tín.

Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Dự án NMTĐ Krông H'nh 2: ĐHĐCĐ 2016 đã thông qua phương án đầu tư NMTĐ Krông H'nh 2, dự kiến khởi công vào tháng 12/2016. Tuy nhiên, đến nay Công ty chưa thực hiện được nguyên nhân do Thủ tướng Chính phủ đã tuyên bố đóng cửa rừng tự nhiên khu vực Tây Nguyên nên việc khởi động lại dự án NMTĐ Krông H'nh 2 gặp rất nhiều khó khăn. Công ty đã và đang nỗ lực để điều chỉnh lại quy hoạch NMTĐ Krông H'nh 2.

Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,79	0,67
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,78	0,65
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	53,67	50,92
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	115,85	103,73
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	50,47	38,89
Vòng quay tài sản	Vòng	0,13	0,15
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	26,56	30,30
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7,61	9,42
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,56	4,49
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	28,64	33,10



Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản		1.456.557,13	1.402.884,91	-3,68%
Doanh thu thuần		194.925,78	211.905,17	8,71%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	55.834,13	70.134,35	25,61%
Lợi nhuận khác		1.688,56	-517,52	-
Lợi nhuận trước thuế		57.522,70	69.616,83	21,02%
Lợi nhuận sau thuế		51.769,77	64.207,11	24,02%

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

Tính đến 31/12/2016,

Vốn góp của Công ty Cổ phần Sông Ba là **604.882.610.000** đồng.

Số cổ phiếu phổ thông: 60.488.261 cổ phiếu.

Số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu.

Số cổ phiếu đang lưu hành: 60.488.261 cổ phiếu.

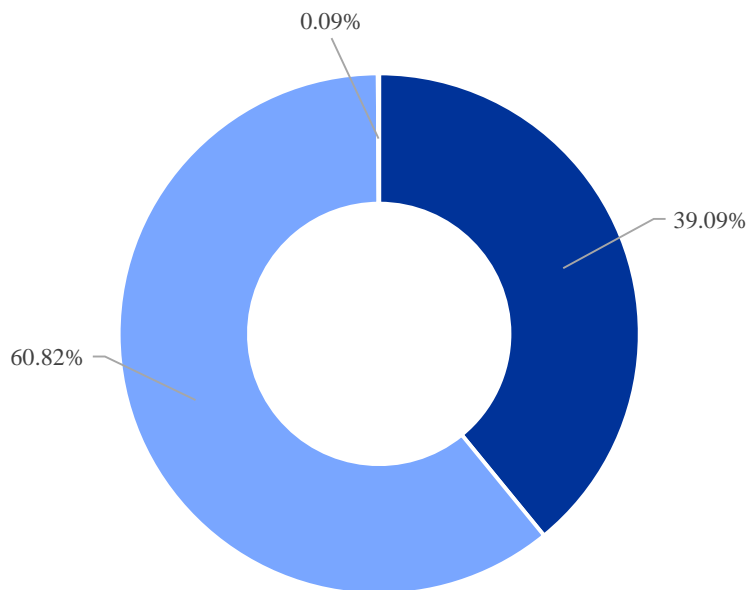
Số cổ phiếu quỹ: 199.930 cổ phiếu.

Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 60.488.261 cổ phiếu.

Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu.

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng.

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu



■ Cổ đông Nhà nước
 ■ Cổ đông trong nước
 ■ Cổ đông nước ngoài

Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

Đối tượng	Số lượng cổ đông
Cổ đông trong nước	6.405
Tổ chức	26
Cá nhân	6.379
Cổ đông nước ngoài	11
Tổ chức	1
Cá nhân	10
Tổng cộng	6.416



Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	0400101394	78A Duy Tân, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	23.645.000	39,09%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2016, Công ty không tăng vốn điều lệ.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có.

Các chứng khoán khác:

Không có



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Tiêu thụ và sử dụng nước

Đối với đặc thù SXKD chính của SBA, nước là nguồn nguyên liệu chính. Cụ thể, tình hình tiêu thụ nước ở từng nhà máy trong năm của Công ty như sau:

Mốc thời gian	Tổng lượng nước về hồ (ĐVT: m ³)	
	NMTĐ Khe Diên	NMTĐ Krông H'nh
Tháng 1/2016	4.042.656	27.373.248
Tháng 2/2016	2.184.346	13.129.344
Tháng 3/2016	1.449.792	6.696.000
Tháng 4/2016	1.022.976	2.151.360
Tháng 5/2016	2.896.992	8.222.688
Tháng 6/2016	5.647.968	34.266.240
Tháng 7/2016	2.952.288	38.676.096
Tháng 8/2016	6.045.408	22.739.616
Tháng 9/2016	14.524.704	46.033.920
Tháng 10/2016	11.397.888	107.162.784
Tháng 11/2016	27.218.592	351.241.920
Tháng 12/2016	83.182.464	515.217.024
Tổng cộng	162.566.074	1.172.910.240



Lượng nước sử dụng cho hoạt động phát điện

Mốc thời gian	Tổng lượng nước sử dụng (ĐVT: m ³)	
	NMTĐ Khe Diên	NMTĐ Krông H'nh
Tháng 1/2016	3.776.544	11.550.406
Tháng 2/2016	4.735.584	18.722.128
Tháng 3/2016	3.856.896	4.646.064
Tháng 4/2016	3.602.880	17.184.864
Tháng 5/2016	3.535.488	16.665.135
Tháng 6/2016	10.005.120	18.181.812
Tháng 7/2016	830.304	33.790.455
Tháng 8/2016	4.017.600	47.522.771
Tháng 9/2016	8.916.480	54.069.517
Tháng 10/2016	14.383.008	75.314.304
Tháng 11/2016	17.210.880	118.766.402
Tháng 12/2016	17.891.712	120.899.971
Tổng cộng	92.762.496	537.313.835

Tiêu thụ điện

Đơn vị tiêu thụ	Tổng năng lượng sử dụng	Năm 2016
Kwh	Tại văn phòng Công ty	34.435
	Tại NMTĐ Krông H' năng	293.820
	Tại NMTĐ Khe Diên	59.900
	Tổng lượng điện tự dùng	388.155

Nỗ lực của Công ty trong công tác nghiên cứu, sáng kiến, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng hoạt động, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:

Công ty luôn tạo điều kiện để CBNV phát huy công tác sáng kiến, cải tiến và hợp lý hóa sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2016, Công ty có 03 sáng kiến, giải pháp và hơn 15 cải tiến, hợp lý hóa sản xuất.

Một số sáng kiến tiêu biểu:

- Thiết bị đo mực nước hồ cấp chính xác 1mm: Hiển thị số liệu đo trên bảng điện tử, quan sát bằng camera, truyền số liệu về máy tính hoặc điện thoại thông minh. Thiết bị đã được Cục sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích;
- Dự báo hợp lý lưu lượng về hai hồ thủy điện Khe Diên, Krông H' năng theo dữ liệu ENSO (El Nino và La Nina), giúp chủ động trong công tác vận hành các nhà máy.
- Từ ngày 29/09 đến 03/10, Công ty đã tham gia Hội chợ Công nghệ và Thiết bị Hà Nội năm 2016, giới thiệu các thiết bị đo mực nước hồ cấp chính xác 1mm, thiết bị đo mưa tự động và **“Giải pháp vận hành xả lũ hợp lý tại các hồ thủy điện”** đã được các cơ quan, đơn vị quan tâm, đánh giá cao;
- Ngày 17/12, Công ty đã được Đài truyền hình Việt Nam mời tham gia **“Chương trình sáng tạo Việt”** để giới thiệu về thiết bị đo mực nước hồ cấp chính xác 1mm do Công ty nghiên cứu chế tạo.

- Nghiên cứu, tính toán lập báo cáo đầu tư các dự án để chuẩn bị trình HĐQT và Đại hội đồng cổ đông năm 2017 thông qua chủ trương đầu tư:
- + Dự án mở rộng, nâng công suất NMTĐ Khe Diên lên 15MW;
- + Dự án điện mặt trời trên lòng hồ Krông H'ăn 5MW.

Với phương châm không ngừng sáng tạo, cải tiến, luôn nghiên cứu các công trình, dự án nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong năm 2017 tới đây, Công ty đề ra các định hướng để thực hiện công tác nghiên cứu, sáng kiến, cải tiến như sau:

- Toàn Công ty phân đầu có 05 sáng kiến, đề tài nghiên cứu và 40 cải tiến, hợp lý hóa sản xuất;
- Hoàn thành các đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh năm 2017:
 - + Vận hành xả lũ liên hồ trên lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn;
 - + Chống xói lở, xâm thực cho biển Đà Nẵng.
- Nghiên cứu tự động hóa công tác vận hành xả lũ tại NMTĐ Krông H'ăn;
- Thiết kế, lắp đặt hệ thống SCADA mini NMTĐ Khe Diên;
- Nghiên cứu lắp đặt cơ cấu kiểm tra độ lệch cửa van cung để đảm bảo an toàn cho các xy lanh thủy lực khi làm việc

Công ty cổ phần Sông Ba và các bên liên quan

• Đối với người lao động:

Luôn đề cao vai trò của con người trong quá trình hoạt động SXKD, Ban lãnh đạo Công ty luôn theo sát, chăm lo đời sống tinh thần và vật chất cho đội ngũ CBCNV, giúp người lao động yên tâm công tác:

- ✓ Tổ chức Hội nghị người lao động Công ty;
- ✓ Tổ chức tham quan, nghỉ dưỡng tại Cù Lao Chàm từ ngày 26 - 27/5 và khám sức khỏe định kỳ cho CBNV;
- ✓ Giải quyết đầy đủ các chế độ cho người lao động như BHXH, BHYT, BHTN với tổng số tiền đã đóng năm 2016 là 1,476 tỷ đồng;
- ✓ Hỗ trợ và vận động CBNV cùng hỗ trợ, giúp đỡ cho người lao động gặp khó khăn, đau ốm. Tổng số tiền hỗ trợ năm 2016 là 55 triệu đồng
- ✓ Công ty đã ban hành lại Quy chế dân chủ lần 2 vào ngày 3/3/2016;
- ✓ Quyền làm chủ của người lao động luôn được Lãnh đạo công ty động viên, khuyến khích;
- ✓ Thỏa ước lao động tập thể được ký kết lại tại HNNLĐ năm 2016 và đăng ký tại Sở LĐTB&XH TP. Đà Nẵng



- **Đối với Cổ đông, Nhà đầu tư:**

SBA luôn coi tối đa hóa giá trị cổ đông là mục tiêu lớn nhất của Công ty. Do đó, cơ chế quản trị doanh nghiệp luôn hướng tới mục tiêu là đảm bảo lợi ích cao nhất và đối xử công bằng với cổ đông.

Công ty Cổ phần Sông Ba luôn duy trì chính sách minh bạch hóa thông tin với cổ đông, nhà đầu tư. Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kế hoạch kinh doanh, công tác đầu tư xây dựng nhà máy... của công ty luôn được thông tin nhanh và chính xác nhất đến cổ đông thông qua Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, website công ty và các phương tiện thông tin đại chúng.

SBA luôn tương tác với Cổ đông, Nhà đầu tư, đảm bảo thông tin được truyền tải nhanh chóng, chính xác qua nhiều hình thức trực tiếp (điện thoại) và gián tiếp (website, thư tín điện tử...)


- **Đối với Cộng đồng – Xã hội – Môi trường**

Công ty Cổ phần Sông ba luôn tích cực tham gia và vận động CBNV tham gia ủng hộ các hoạt động xã hội, từ thiện theo kêu gọi của Công đoàn, Đoàn thanh niên cấp trên và các tổ chức đoàn thể bên ngoài.

Tổng số tiền đóng góp, ủng hộ năm 2016 trên 240 triệu đồng, một số hoạt động tiêu biểu:

- ✓ Trao quà Tết cho đồng bào, các hộ nghèo và nạn nhân chất độc da cam;
- ✓ Tặng quà cho các em học sinh vượt khó vươn lên đạt thành tích cao tại khu vực các nhà máy;
- ✓ Ủng hộ đồng bào ngư dân xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình bị thiệt hại trong đợt lũ, lụt tháng 09/2016;
- ✓ Hỗ trợ gia đình 3 công nhân bị tai nạn lao động theo Thư kêu gọi của EVNCP;C;
- ✓ Đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa của thành phố Đà Nẵng năm 2016.v.v.





Phần III
BÁO CÁO CỦA
BAN LÃNH ĐẠO



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Môi trường kinh doanh năm 2016

Tình hình thời tiết trong năm qua có nhiều thay đổi, với đợt El Nino kéo dài từ tháng 5/2014 đã vào cuối chu kỳ và kết thúc, đem lại kết quả khả quan vào những tháng cuối năm cho ngành thủy điện nói chung và SBA nói riêng.

Cụ thể, mười tháng đầu năm 2016, Công ty Cổ phần Sông Ba tiếp tục giai đoạn nhiều gian nan, thách thức. El Nino kéo dài nên sản lượng phát điện hai nhà máy chỉ đạt 54% kế hoạch năm, tình hình sản xuất kinh doanh tiếp tục khó khăn. Do đã chuẩn bị các giải pháp về tài chính, kỹ thuật để vận hành Công ty nên kết quả đạt được như dự kiến. Đến cuối năm, lũ đã về đầy hồ Krông H' năng trong tháng 11 và Khe Diên trong tháng 12.

Kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Sông Ba đạt được như sau:

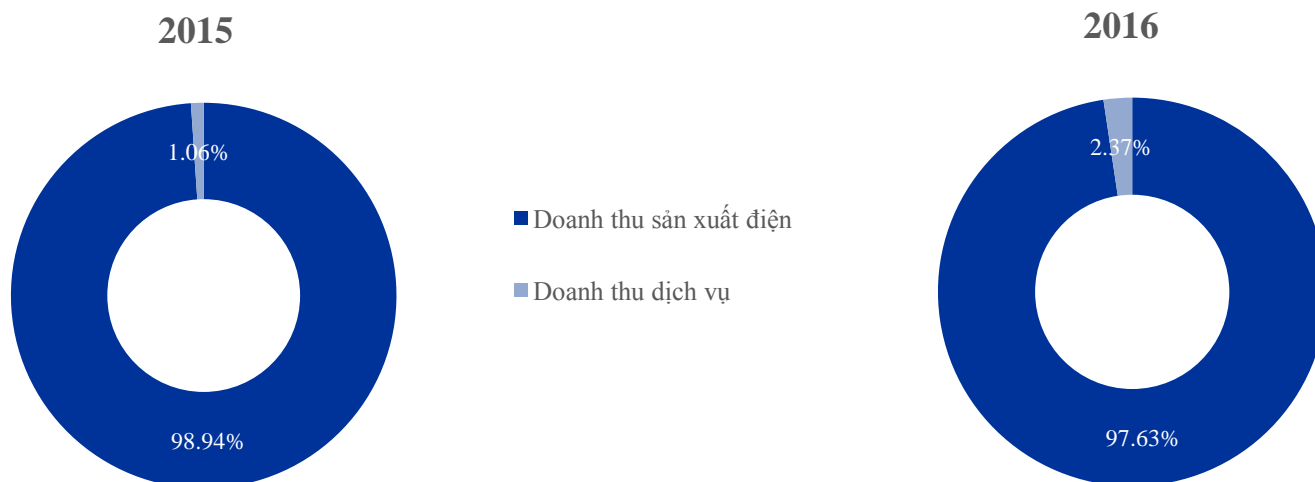




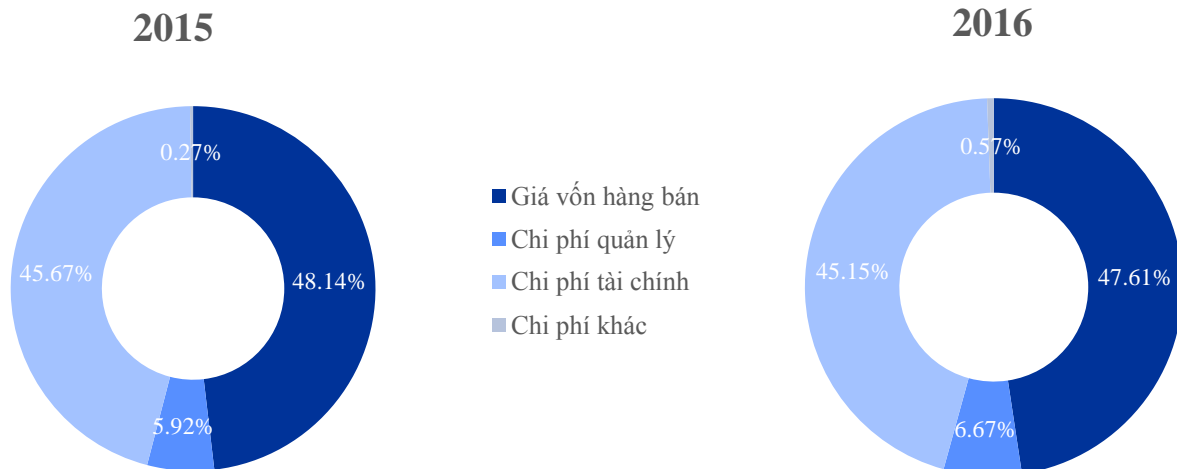
Tình hình thực hiện kế hoạch 2016 và Kết quả SXKD trong năm 2016

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Thực hiện/ Kế hoạch
Sản lượng điện thương phẩm	Triệu Kwh	175,00	171,64	98,08%
<i>NMTĐ Khe Diên</i>	Triệu Kwh	35,00	32,82	93,77%
<i>NMTĐ Krông H'năng</i>	Triệu Kwh	140,00	138,82	99,16%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	208,21	211,90	101,77%
Từ sản xuất điện	Tỷ đồng	203,21	206,89	101,81%
<i>NTMĐ Khe Diên</i>	Tỷ đồng	40,81	39,99	97,99%
<i>NMTĐ Krông H'năng</i>	Tỷ đồng	162,40	166,89	102,76%
Từ dịch vụ tư vấn	Tỷ đồng	5,00	5,01	100,20%
Tổng chi phí	Tỷ đồng	141,66	141,80	100,10%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	66,56	69,61	104,58%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	61,29	64,20	104,75%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	Đồng/CP	1.013	1.065	105,13%
Cổ tức	Đồng/CP	1000	1.000	100,00%

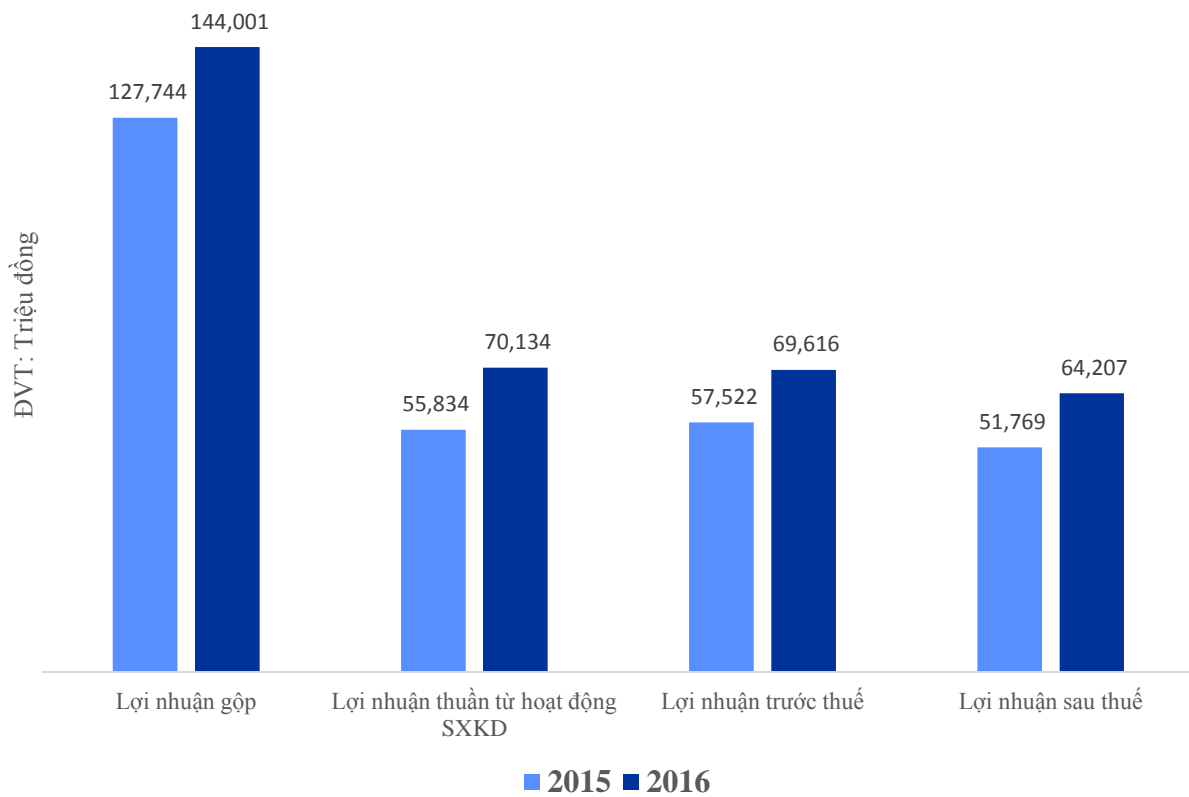
Cơ cấu doanh thu



Cơ cấu chi phí



Các chỉ tiêu lợi nhuận



Tình hình các công tác hoạt động trong năm

Công tác quản lý, vận hành các nhà máy thủy điện

Công tác sửa chữa, bảo dưỡng, xử lý sự cố thiết bị và các hạng mục công trình được thực hiện tốt:

NMTĐ Khe Diên:

- Đại tu tổ máy H2, đường ống dẫn, van đĩa nhà van;
- Bảo dưỡng tổ máy H1, hệ thống nước kỹ thuật; TBA 35kV, hệ thống đo đếm, Sơn và hàn bù bên trong đường ống áp lực;
- Xử lý các sự cố: Cách điện tổ máy H1; Rò dầu cánh tản nhiệt MBA 5.600kVA-6,3/38,5kV;
- Sửa chữa đường vận hành lên nhà van; Gia cố van trái hạ lưu ngầm Tầm Phục; Xử lý thấm, rò nước đường hầm; bồi lắng cửa nhận nước.



NMTĐ Krông H'nh:



- Bảo dưỡng định kỳ 3.000h, trước và sau mùa mưa các tổ máy; Nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc;
 - Xử lý các sự cố: Hệ thống điều tốc, kích từ; thiết bị hệ thống UPS, rơle bảo vệ tổ máy;
 - Đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật về tự dùng, tổn thất và suất hao dầu tại các nhà máy theo kế hoạch.
- Thực hiện tốt các công tác: Đàm phán lại giá bán điện của NMTĐ Krông H'nh tăng từ 940,78 lên 1.040 đồng/kW; Dự báo lưu lượng nước về 02 hồ ngày càng chuẩn xác và tin cậy; Nghiên cứu, chế tạo thiết bị đo mực nước hồ cấp chính xác 1mm và lắp đặt tại 02 nhà máy; Trồng bổ sung 3,3ha rừng thuộc khu vực tỉnh Phú Yên.



Công tác an toàn lao động, PCCN, VSMT tại các nhà máy:

Năm 2016 không xảy sự cố gây mất an toàn lao động. Các NMTĐ mỗi quý diễn tập PCCC 1 lần, luôn được các đoàn kiểm tra đánh giá tốt;

Các báo cáo định kỳ thực hiện đầy đủ theo quy định: báo cáo về an toàn đập; báo cáo khai thác nước mặt .v.v...

Công tác Phòng chống lụt, bão (PCLB):

Năm 2016, tình hình thời tiết diễn biến bất thường, lũ đến muộn và kéo dài, các nhà máy đã thực hiện đầy đủ công tác chuẩn bị, diễn tập PCLB, chuẩn bị lực lượng, vật tư sẵn sàng cho công tác PCLB:

NMTĐ Krông H' năng: Đã có 02 đợt lũ kéo dài từ ngày 02/11 đến 13/11 và từ ngày 01/12 đến 15/12, lưu lượng nước đến hồ có thời điểm đạt 1.650m³/s, nhà máy đã tích cực, chủ động thực hiện công tác vận hành đón lũ và giảm lũ cho hạ du theo Qui trình 1077 và theo chỉ đạo của Ban CH PCTT & TKCN tỉnh Phú Yên.

NMTĐ Khe Diên: Lũ xuất hiện từ ngày 13 – 15/12, nước vượt ngưỡng tràn từ ngày 14/12, công tác vận hành, thông báo xả lũ qua tràn được thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định, đã có một số điểm sạt lở, hư hỏng trên tuyến đường vận hành, đã chủ động khắc phục tạm thời để đi lại vận hành. Kết thúc mùa lũ năm 2016, nước đầy hai hồ, các hạng mục công trình đảm bảo an toàn.

Dịch vụ tư vấn

21,77 tỷ đồng

giá trị hợp đồng tư vấn

Năm 2016, Công ty đã tạo được niềm tin từ khách hàng và hợp đồng thực hiện nhiều dự án mới. Tổng giá trị hợp đồng dịch vụ tư vấn năm 2016 là 21,77 tỷ đồng. Trong đó, đã tạm ứng và thanh toán là 5,3 tỷ đồng. Đây là con số đáng kể cho một công ty sản xuất điện làm thêm dịch vụ.

Một số hợp đồng chính Công ty đang thực hiện:

Quản lý dự án và tư vấn thiết kế các DATĐ Tầm Phục, Sông Bung 3A;

Giám sát lắp đặt thiết bị và thẩm tra hồ sơ thiết kế CTTĐ Đăk Pring;

Tư vấn nâng dung tích hồ A và xây dựng công trình tạo cảnh quang sau đập hồ B- NMTĐ Đăk Pône;



Tình hình tài chính

Công tác tài chính, cổ đông, chi trả cổ tức:

- Công ty đã cân đối tài chính để chi trả cổ tức năm 2015 trong tháng 11/2016: Đến nay đã chi trả được 45,75/48,25 tỷ đồng, đạt 94,82%. Cổ đông chưa nhận là 2,51 tỷ đồng.
- Cổ tức từ năm 2014 về trước: Cổ đông chưa nhận là 3,95 tỷ đồng (2014: 1,56 tỷ đồng; 2013: 1,39 tỷ đồng và 2011 về trước là 1,0 tỷ đồng)
- Làm việc với Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam - CN Quảng Nam điều chỉnh kế hoạch trả nợ vay về cuối năm để đảm bảo dòng tiền hoạt động của Công ty và không bị nợ xấu.

Những tiến bộ công ty đạt được trong năm

- Công tác sửa chữa, bảo dưỡng 2 nhà máy được thực hiện một cách tích cực, giúp tăng hiệu suất vận hành.
- Phát triển dịch vụ tư vấn, với tổng giá hợp trị hợp đồng trong năm đạt 21,77 tỷ đồng.
- Công tác nghiên cứu, sáng kiến được chú trọng với nhiều công trình có giá trị như: dự báo hợp lý lưu lượng nước theo phương pháp ENSO; thiết kế, lắp đặt thiết bị đo mực nước cấp chính xác mm cho hồ thủy điện; thiết kế, lắp đặt thiết bị đo mưa tự động tham gia hội chợ công nghệ và thiết bị Hà Nội năm 2016 (Techmart Hà Nội).
- Chương trình “Sáng tạo Việt” do VTV tổ chức đã mời Công ty tham gia trình bày thiết bị đo mực nước hồ cấp chính xác milimet.

Tình hình tài sản

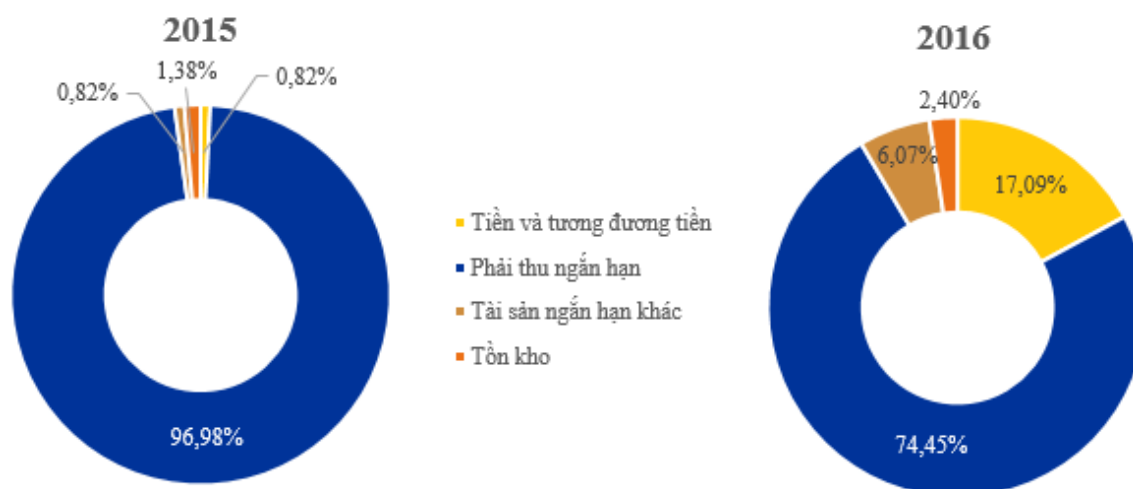
Tiêu chí	ĐVT	2015	2016	% Tăng/ Giảm
Tài sản ngắn hạn		102.432,61	86.738,89	-15,32%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.354.124,52	1.316.146,02	-2,80%
Tổng tài sản		1.456.557,13	1.402.884,91	-3,68%

Tính đến 31/12/2016, giá trị tài sản ngắn hạn là 86 tỷ đồng, giảm 15,32% so với năm 2015. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản chiếm 6,18%, giảm 0,85% so với năm 2015.

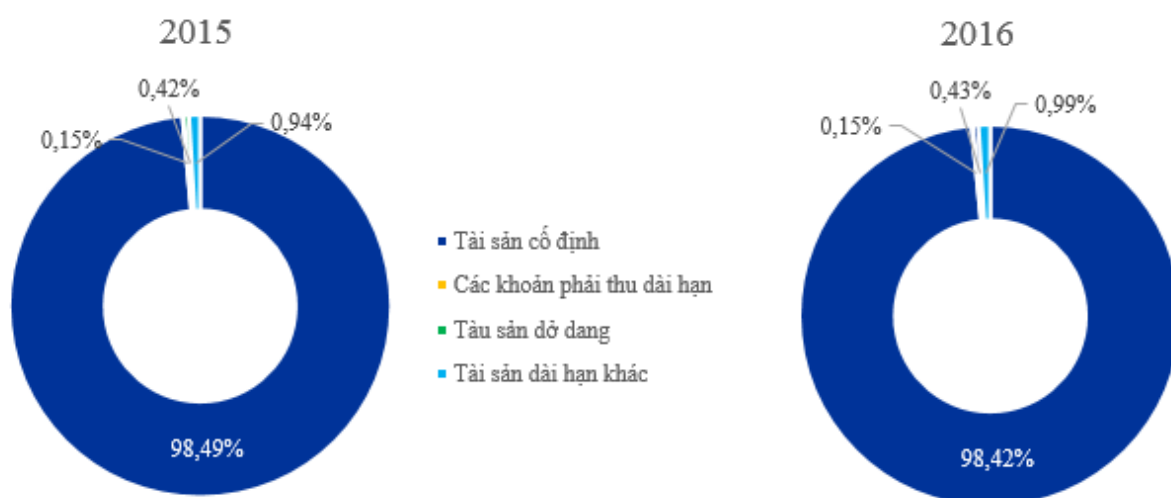
Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, giá trị khoản mục phải thu của Công ty chiếm tỷ trọng là 74,45%, tiếp đến là tiền và tài sản ngắn hạn khác, các khoản mục này lần lượt chiếm 17,09% và 6,07%.

Đối với tài sản dài hạn, do đặc thù của ngành sản xuất điện, tài sản cố định là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất với 98,42%. Các khoản mục còn lại như phải thu dài hạn, tài sản dở dang và tài sản dở dang chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Cơ cấu tài sản ngắn hạn:



Cơ cấu tài sản dài hạn

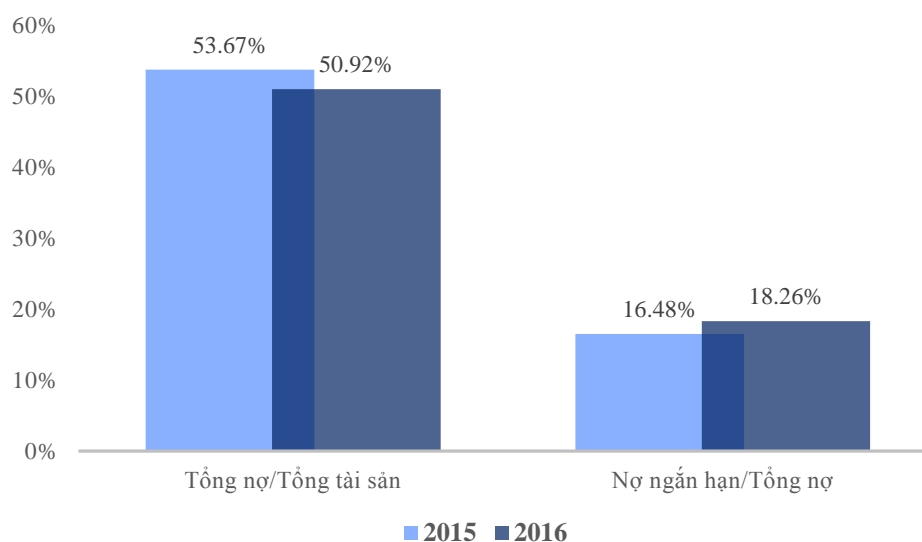


Tình hình nợ phải trả

Tiêu chí	ĐVT	2015	2016	% Tăng/ Giảm
Nợ ngắn hạn		128.870,29	130.397,34	1,18%
Nợ dài hạn		652.874,00	583.904,00	-10,56%
Tổng nợ phải trả	Triệu đồng	781.744,29	714.301,34	-8,63%
Vốn chủ sở hữu		674.812,84	688.583,57	2,04%
Tổng nguồn vốn		1.456.557,13	1.402.884,91	-3,68%

Tại thời điểm 31/12/2016, giá trị nợ phải trả của Công ty là 714 tỷ đồng, chiếm 50,92% cơ cấu nguồn vốn của SBA. So với năm 2015, tổng nợ phải trả của Công ty giảm 8,63%. Trong đó, giá trị nợ ngắn hạn là 130 tỷ đồng, chiếm 18,26% trong tổng nợ phải trả, tăng 1,52 tỷ đồng so với năm 2015. Nợ dài hạn là 583 tỷ đồng, giảm 68 tỷ đồng so với năm 2015.

Cơ cấu nợ và vốn



Thuyết minh công cụ tài chính

Chỉ tiêu	Tuổi nợ dưới 1 năm (triệu đồng)			Tuổi nợ trên 1 năm (triệu đồng)		
	2015	2016	+/-	2015	2016	+/-
Phải trả người bán	6.714	5.910	-11,97%	-	-	-
Chi phí phải trả	4.734	8.779	85,45%	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính	59.830	67.720	13,19%	652.874	583.904	10,56%
Phải trả khác	28.561	25.391	-11,10%	-	-	-
Tổng cộng	99.840	107.801	7,97%	-	-	-

Trên thực tế, Công ty luôn coi trọng công tác quản trị rủi ro nói chung và đặc biệt là rủi ro thanh khoản nói riêng. Ban điều hành luôn giám sát hoạt động quản lý rủi ro thông qua việc thường xuyên theo dõi yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động dòng tiền của Công ty.

Về ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016
Vay ngắn hạn	Triệu đồng	59.830,00	67.720,00
Vay dài hạn	Triệu đồng	652.874,00	583.904,00
Chi phí lãi vay	Triệu đồng	61.747,83	64.181,39
Chi phí lãi vay/ Doanh thu thuần	%	31,68%	30,29%

Năm 2016, lãi vay Công ty phải trả là 64,18 tỷ đồng, có phần tăng cao hơn mức lãi vay trong năm 2015. Tỷ lệ chi phí lãi vay trên doanh thu thuần đạt 30,29%. Do đặc thù của lĩnh vực kinh doanh, Công ty cần nguồn vốn lớn để tài trợ cho các hoạt động đầu tư và cụ thể ở đây là để bù đắp vốn tự có tham gia dự án đầu tư Nhà máy thủy điện Khe Diên và Krông H'nh.

Hơn 80% nợ của SBA là vay dài hạn mức lãi suất với biên cố định thấp (nhà máy thủy điện Krông H'nh và nhà máy thủy điện Khe Diên), điều này giúp hoạt động của Công ty khá ổn định.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2016, SBA đã ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Ba thay thế Quy chế cũ ban hành từ năm 2013 đã không còn phù hợp. Quy chế mới ban hành sẽ giúp Công ty hoạt động hiệu quả và phù hợp với những thay đổi của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, ngày 26/11/2014.

Công ty hiệu chỉnh các quy trình, hệ thống tài liệu theo tiêu chuẩn từ phiên bản ISO 9001-2015 sang phiên bản ISO 9001 - 2018 để đảm bảo tính hệ thống và kiểm soát chặt chẽ các hoạt động công ty.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017

STT	Nội dung chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
1	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	209,0	
-	<i>Khe Diên</i>	<i>Triệu kWh</i>	39,0	
-	<i>Krông H'nhăng</i>	<i>Triệu kWh</i>	170,0	
2	Tỷ lệ điện tự dùng, tổn thất			
-	<i>Khe Diên</i>	%	2,53	Tổn thất: 2,27%; tự dùng: 0,26%
-	<i>Krông H'nhăng</i>	%	2,22	Tổn thất: 2,00%; tự dùng: 0,22%
3	Tổng doanh thu:		235,00	
3.1	Từ sản xuất điện	Tỷ đồng	230,00	
-	<i>Khe Diên</i>		43,00	
-	<i>Krông H'nhăng</i>		187,00	
3.2	Từ dịch vụ tư vấn		5,00	
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	153,61	
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	81,39	
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	75,60	
7	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	Đồng/CP	1.250	

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mục tiêu – định hướng hoạt động SXKD năm 2017

Công tác quản lý vận hành 02 NMTĐ Khe Diên và Krông H' năng:

Nhà máy Krông H' năng: Thực hiện tốt công tác SCBD thường xuyên, định kỳ;

- Thí nghiệm định kỳ hệ thống đo đếm, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;
- Tổ chức chăm sóc rừng trồng theo quy định;

Nhà máy Khe Diên:

- SCBD thường xuyên, định kỳ thiết bị các tổ máy, TBA nâng áp;
- Sửa chữa, cải tạo hệ thống điều khiển van đĩa nhà van; hệ thống kích từ; máy cắt khí SF6; Thiết bị cửa nhận nước; khắc phục hư hỏng đường vận hành sau mùa lũ; Xử lý thâm thấp điều áp;
- Xây dựng đường tránh mỏ than Nông Sơn để vào nhà máy;
- Thí nghiệm định kỳ hệ thống đo đếm, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

Về dịch vụ tư vấn:

- Dịch vụ tư vấn luôn là mục tiêu của Công ty Cổ phần Sông Ba để mang lại sự phát triển bền vững, sự sáng tạo, thu nhập tốt cho CNV và Công ty. Năm 2017 doanh thu từ dịch vụ tư vấn đạt 5 tỷ đồng.
- Tiếp tục thực hiện các hợp đồng tư vấn đã ký: Quản lý dự án, tư vấn thiết kế DATĐ Tầm Phục, Sông Bung 3A; Nâng đập hồ A và tạo cảnh quang sau đập hồ B NMTĐ Đăk Pônê; Giám sát và thẩm tra thiết bị cơ điện NMTĐ Đăk Pring..v.v...
- Nghiên cứu những đề tài xã hội đang cần để phát triển trong các năm sau.

Công tác đầu tư xây dựng

Bổ sung Dự Án Thủy Điện Sông Tranh 1 vào quy hoạch, điều chỉnh lại quy hoạch DATĐ Krông H'nh 2;

Trình HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua chủ trương đầu tư: Dự án mở rộng, xây dựng thêm 1 tổ máy 6MW, nâng công suất NMTĐ Khe Diên lên 15MW; Dự án điện mặt trời trên lòng hồ Krông H'nh 5MW.

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Qua thực hiện nhiệm vụ năm 2016, hoạt động công ty có những điểm nổi bật như sau:

Về kết quả hoạt động SXKD năm 2016:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Thực hiện/Kế hoạch
Tổng doanh thu	208,21	211,90	101,77%
Tổng chi phí	141,66	141,80	100,10%
Lợi nhuận sau thuế	61,29	64,20	104,75%

Đánh giá tổng quan kết quả thực hiện năm 2016 cho thấy SBA đã hoàn thành kế hoạch được đề ra ở Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016 về tăng trưởng doanh thu, quản lý chi phí giúp mang lại lợi nhuận cho Công ty.

Tổng kết thực hiện các hoạt động

- Công tác quản lý, vận hành các nhà máy thủy điện được thực hiện tốt, xử lý các sự cố thiết bị và bảo dưỡng các tổ máy, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật về tự dùng, tổn thất và suất hao dầu tại các nhà máy theo kế hoạch.
- Công tác an toàn lao động, PCCN, VSMT tại các nhà máy được tổ chức định kỳ đầy đủ theo quy định, trong năm không xảy ra bất kỳ sự cố nào về an toàn lao động.
- Công tác phòng chống lụt, bão trong năm được chỉ đạo chuẩn bị đầy đủ về lực lượng, vật tư và diễn tập phòng chống. Kết thúc mùa lũ năm 2016, nước đầy hai hồ, các hạng mục công trình được đảm bảo an toàn.
- Dịch vụ tư vấn với tổng giá trị hợp đồng trong năm đạt 21,77 tỷ đồng, một con số đáng kể cho một công ty sản xuất điện làm thêm dịch vụ, Công ty đã tạo được nhiều niềm tin từ phía khách hàng và dự kiến sẽ tiếp tục phát triển dịch vụ trong thời gian tới.
- Công tác tài chính, chi trả cổ tức được công ty cân đối tài chính để chi trả, đảm bảo quyền lợi cổ đông. Bên cạnh đó, Công ty đã làm việc với Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt



Nam – CN Quảng Nam điều chỉnh kế hoạch trả nợ vay về cuối năm để đảm bảo dòng tiền Công ty và không bị nợ xấu.

- *Công tác tổ chức nhân sự* được thực hiện đầy đủ về các chính sách sức khỏe, phúc lợi.. theo quy định của pháp luật, đảm bảo về môi trường làm việc và đời sống cho cán bộ công nhân viên lao động.

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Những mặt đạt được

- Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh, báo cáo kịp thời các nội dung đề nghị và trình HĐQT Công ty xem xét, phê duyệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của HĐQT.
- Tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định về chế độ đối với người lao động trong Công ty như: BHXH, BHYT, BHTN,...; giải quyết trả lương theo cơ chế khoán 6,5% trên tổng doanh thu.
- Hội đồng quản trị đánh giá cao năng lực lãnh đạo điều hành của Tổng Giám đốc Công ty. Trong năm 2016, là khoảng thời gian còn nhiều khó khăn về tài chính, thời tiết khô hạn do El Nino nhưng Tổng Giám đốc Công ty đã rất chủ động, sáng tạo, linh hoạt để giải quyết và mang lại hiệu quả, đảm bảo cổ tức cho Cổ đông.

Các mặt tồn tại cần Ban Tổng Giám đốc tập trung cải tiến trong thời gian tới

- Tư duy logic của một số cán bộ quản lý cấp trung chưa khoa học nên công tác tư vấn thiết kế các dự án còn chậm;
- Về công tác ISO: Chưa phát huy hết tác dụng, còn rời rạc, thiếu logic và chưa thực sự đi sâu vào các hoạt động Công ty;
- Công tác nghiên cứu, sáng kiến mới được một số CBNV quan tâm thực hiện

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Phát huy nội lực: Tự phân tích để tìm ra các tồn tại, xây dựng các giải pháp để thực hiện tốt các công tác như: Tính toán để chuẩn xác lại chuỗi thủy văn; tự đào tạo; nghiên cứu vận hành xả lũ tự động; tính toán lại dung tích hồ Khe Diên để có giải pháp phù hợp nhằm tăng doanh thu; vận hành nhà máy Krông H' năng theo thị trường điện hiệu quả,...
- Khuyến khích sáng tạo, học hỏi: Thể hiện qua những nghiên cứu dự báo lượng nước về hồ theo phương pháp ENSO, xây dựng bản đồ ngập cho tỉnh Phú Yên, thiết kế chế tạo các thiết bị đo mực nước hồ mm, đo mưa tự động.
- Đoàn kết: Điều động CNV hỗ trợ qua lại khi đại tu thiết bị hai nhà máy; Thiết kế, chế tạo lắp đặt thiết bị đo mực nước hồ mm cho các hồ chứa thủy điện trong nước; Chủ động xử lý cơ điện các thiết bị nhà máy.
- Luôn xem lợi ích của chủ đầu tư là động lực sáng tạo, phát triển của Công ty khi thực hiện các dịch vụ tư vấn: Các dự án Đăk Pône, A Roàng, Tầm Phục, Sông Bung 3A .v.v..



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY



Bà Phan Thị Anh Đào
Trưởng Ban Kiểm soát



Bà Nguyễn Thị Trần Thảo
Thành viên Ban Kiểm soát



Ông Trần Quang Cần
Thành viên Ban Kiểm soát

Nắm giữ 1.000 cổ phiếu, chiếm 0,002% Vốn điều lệ SBA

Nắm giữ 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ SBA

Nắm giữ 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ SBA

Tổng kết hoạt động của Ban Kiểm soát

STT	Ngày họp	Nội dung
Lần 1	17-18/03/2016	Xem xét Báo cáo tài chính năm 2015; Đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc năm 2016; Thông qua báo cáo tổng kết hoạt động của BKS năm 2015; Chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.
Lần 2	21/04/2016	Bầu Trưởng Ban Kiểm soát.
Lần 3	04-05/08/2016	Kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm; Soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2016; Tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ 2016.
Lần 4	10/11/2016	Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các Kiểm soát viên; Thông qua dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Ba, lấy ý kiến thành viên HĐQT trước khi ban hành; Soát xét Báo cáo tài chính quý 3/2016; Công tác nhân sự, hợp đồng lao động và các chế độ đối với người lao động trong năm 2016.



BKS tiến hành họp định kỳ hàng quý để nghe báo cáo đánh giá các hoạt động của các Kiểm soát viên cũng như xem xét đánh giá Báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm của Công ty.

Năm 2016 BKS tổ chức 04 cuộc họp. Ngoài ra BKS còn tham gia 02 cuộc họp định kỳ của HĐQT. Các Kiểm soát viên thường xuyên trao đổi qua điện thoại, email để các thành viên đảm bảo thông suốt các chủ trương chính sách của Công ty và kịp thời hỗ trợ nhau trong công việc nhằm đạt hiệu quả cao nhất

Đánh giá của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động Công ty và tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ 2016

Các chỉ tiêu chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	(%) TH/KH
1	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	175,00	171,62	98,07%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	208,21	212,23	101,93%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	141,66	142,61	100,67%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	66,55	69,62	104,61%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	61,29	64,21	104,76%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	1.013	1.065	105,13%

Đánh giá của Ban kiểm soát:

Mười tháng đầu năm 2016, Công ty tiếp tục giai đoạn khó khăn, El Nino kéo dài, sản lượng phát điện hai nhà máy thấp. Tuy nhiên, SBA đã nghiên cứu chuẩn bị các giải pháp về tài chính, kỹ thuật để vận hành Công ty. Đến cuối năm, lũ đã về đầy hồ Nhà máy Krông H' năng và Khe Diên.

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016: Sản lượng điện phát đạt 98,07%; doanh thu đạt 101,93% kế hoạch năm 2016 và tăng 7,7% so với năm 2015. Lợi nhuận trước thuế đạt 104,76% kế hoạch năm và tăng 21,02% so với năm 2015.

Tình hình thực hiện các mục tiêu trong Nghị quyết ĐHĐCĐ:

- Công ty đã hoàn thành việc trích lập các quỹ theo luật định, đảm bảo nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ;
- Công ty đã chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2015 là 8% bằng tiền vào tháng 11/2016;
- Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS: Năm 2016 Công ty đã chi trả thù lao đầy đủ cho các thành viên HĐQT và BKS theo định mức đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 phê duyệt;
- Dự án NMTĐ Krông H'năng 2: ĐHĐCĐ năm 2016 đã thông qua phương án đầu tư NMTĐ Krông H'năng 2, dự kiến khởi công vào tháng 12/2016. Tuy nhiên, đến nay Công ty chưa thực hiện được. Nguyên nhân: Thủ tướng Chính phủ đã tuyên bố đóng cửa rừng tự nhiên khu vực Tây Nguyên nên việc khởi động lại dự án NMTĐ Krông H'năng 2 gặp rất nhiều khó khăn. Công ty đang nỗ lực để điều chỉnh lại quy hoạch NMTĐ Krông H'năng 2

Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý

Trong năm 2016, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. BKS đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

HĐQT đã ban hành nhiều Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp Nghị quyết ĐHĐCĐ, hoàn toàn tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai đầy đủ các chủ trương của HĐQT đề ra theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc được quy định trong điều lệ Công ty. Kết quả thực hiện các chủ trương, Nghị quyết của HĐQT đều được Tổng Giám đốc báo cáo đầy đủ tại các cuộc họp HĐQT.



Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các giải pháp linh hoạt, phù hợp trong công tác điều hành giúp Công ty hoàn thành đạt mức cao nhất kế hoạch kinh doanh đã đặt ra.

Công ty đã thực hiện công bố thông tin, báo cáo định kỳ nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các thông tin hoạt động đều được công khai minh bạch, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và nhà đầu tư.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và BTGD trong năm

- Trong năm 2016, BKS được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính công ty.
- BKS được tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT, tham gia ý kiến theo chức năng và nhiệm vụ của BKS.
- Trưởng BKS được tham dự các cuộc họp giao ban tháng để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty.
- BKS, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc phối hợp chặt chẽ để kịp thời giải quyết những vướng mắc trong quá trình kiểm tra, kiểm soát của BKS.
- BKS có những báo cáo định kỳ và kiến nghị bằng văn bản gửi tới HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Những kiến nghị của BKS đều được ghi nhận và triển khai thực hiện

Các hoạt động khác:

Tháng 12/2016, BKS đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Ba thay thế Quy chế cũ ban hành từ năm 2008 đã không còn phù hợp. Quy chế mới ban hành sẽ giúp BKS hoạt động hiệu quả và phù hợp với những thay đổi của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, ngày 26/11/2014.



Một số kiến nghị và phương hướng hoạt động của BKS năm 2017

Một số kiến nghị của BKS:

Qua thực tế giám sát hoạt động của Công ty, BKS có một số kiến nghị như sau:

- Khẩn trương biên soạn, hiệu chỉnh các quy trình, hệ thống tài liệu theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015 để đảm bảo tính hệ thống và kiểm soát chặt chẽ, phù hợp với hoạt động công ty;
- Năm 2016, Công ty đã có những bước phát triển trong lĩnh vực dịch vụ tư vấn. Trong năm 2017 Công ty cần nâng cao hơn nữa công tác tư vấn để khẳng định giá trị công ty, đặc biệt là giải pháp vận hành xả lũ hợp lý tại các hồ thủy điện đã được các cơ quan, đơn vị quan tâm đánh giá cao;
- Đối với các dự án đầu tư mới, cần duy trì việc phân tích thận trọng, đảm bảo hiệu quả của dự án khi đi vào hoạt động.

Phương hướng hoạt động của BKS năm 2017

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Công ty và ĐHĐCĐ giao phó, kế hoạch hoạt động trong năm 2017 của BKS tập trung vào một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- BKS tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty;
- BKS sẽ duy trì và tăng cường công tác kiểm soát định kỳ theo điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của BKS, đảm bảo các hoạt động Công ty luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, góp phần vào sự phát triển của Công ty, đảm bảo lợi ích của cổ đông và quyền lợi người lao động;
- Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của từng Kiểm soát viên;
- Thường xuyên và định kỳ kiểm tra giám sát việc thực hiện, chấp hành quy định Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, quyết định đã được HĐQT Công ty ban hành;



- Tham gia các cuộc họp của HĐQT, Trưởng BKS tham gia cuộc họp giao ban tháng của Công ty để theo sát tình hình Công ty. Duy trì sự phối hợp chặt chẽ giữa BKS với HĐQT, ban điều hành của Công ty và các đơn vị trực thuộc khác;
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, 6 tháng, hàng năm của Công ty. Đánh giá phân tích tình hình tài chính cũng như việc bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu một cách trung thực và khách quan;

Báo cáo ĐHCĐ về kết quả hoạt động trong năm và báo cáo theo yêu cầu kết quả kiểm tra:

- Thực hiện các công tác khác theo yêu cầu của cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Trên cơ sở kiểm tra hoạt động của toàn Công ty, BKS sẽ kiến nghị với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc để có các điều chỉnh, bổ sung các giải pháp nhằm đảm bảo cho công tác quản lý được chặt chẽ, tránh được các rủi ro trong quá trình hoạt động;
- Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính. Giám sát việc thực hiện những nội dung đề nghị, góp ý của đơn vị kiểm toán độc lập;
- Giám sát việc triển khai các dự án đầu tư mới.



Phần IV

Quản trị công ty



Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY



Ông Nguyễn Thành
Chủ tịch HĐQT

Năm giữ 2.100 cổ phiếu, chiếm 0,003% Vốn điều lệ SBA



Ông Thái Văn Thắng
Phó Chủ tịch HĐQT

Năm giữ 84.000 cổ phiếu, chiếm 0,14% vốn điều lệ SBA



Ông Phạm Phong
Ủy viên HĐQT

Năm giữ 312.175 cổ phiếu, chiếm 0,52% vốn điều lệ SBA



Ông Trương Thành Nam
Ủy viên HĐQT

Năm giữ 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ SBA



Ông Nguyễn Lương Minh
Ủy viên HĐQT

Năm giữ 4.935 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ SBA

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã tổ chức 5 cuộc họp. Cụ thể:

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
Nguyễn Thành	Chủ tịch	5	100%
Thái Văn Thắng	Phó Chủ tịch	5	100%
Phạm Phong	Ủy viên	5	100%
Nguyễn Lương Minh	Ủy viên	5	100%
Trương Thành Nam	Ủy viên	5	100%



Và ban hành các Nghị Quyết, Quyết Định như sau:

STT	Nghị Quyết	Ngày	Nội Dung
1	01/16/QĐ-S3-HĐQT	16/03/2016	Thành lập Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư xây dựng Công trình: Văn phòng làm việc Công ty Cổ phần Sông Ba.
2	02/16/QĐ-S3-HĐQT	25/03/2016	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng Công trình: Văn phòng làm việc Công ty Cổ phần Sông Ba.
3	03/16/QĐ-S3-HĐQT	08/06/2016	Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba – Nhà máy thủy điện Krông H' năng.
4	04/16/QĐ-S3-HĐQT	08/06/2016	Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba – Nhà máy thủy điện Krông H' năng.
5	05/16/QĐ-S3-HĐQT	09/06/2016	Quyết định hệ số lương của Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Ba
6	06/16/QĐ-S3-HĐQT	09/08/2016	Thông qua mức thù lao Thư ký Công ty
7	07/16/QĐ-S3-HĐQT	18/10/2016	Chi trả cổ tức năm 2015 bằng tiền của Công ty Cổ phần Sông Ba
8	01/16/NQ-HĐQT	19/04/2016	Thông qua kết quả SXKD quý 4 cả năm 2015; Kế hoạch SXKD năm 2016, quý 1/2016 và các nội dung liên quan khác.
9	02/16/NQ-HĐQT	19/08/2016	Vay vốn ngắn hạn và dùng tài sản đảm bảo tiền vay tại Ngân hàng TMCP Phương Đông.
10	03/16/NQ-HĐQT	26/08/2016	Thông qua kết quả công việc Công ty đã thực hiện trong quý 2, 6 tháng đầu năm và kế hoạch quý 3/2016.

Đào tạo về quản trị Công ty

Ông Nguyễn Thế Duy – Thư ký Công ty đã tham gia khóa đào tạo về quản trị công ty cho các Công ty đại chúng từ ngày 14/04/2016 đến ngày 15/04/2016 do Trung tâm nghiên cứu khoa học và Đào tạo Chứng khoán TP.HCM – UBCK Nhà nước tổ chức (Chứng nhận hoàn thành khóa học số 11QTCT42/QĐ-TTNC, ngày 29/04/2016).

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	2016			Ghi chú
		Thù lao	Lương (vnd/năm)	Thưởng (vnd/năm)	
1	Hội đồng quản trị	432.000.000	466.230.000	313.500.000	
	Nguyễn Thành	120.000.000		91.000.000	
	Thái Văn Thắng	96.000.000		72.500.000	
	Phạm Phong	72.000.000	466.230.000	82.000.000	
	Nguyễn Lương Minh	72.000.000		34.000.000	
	Trương Thành Nam	72.000.000		34.000.000	
2	Ban kiểm soát	182.180.000		48.356.018	
	Phan Thị Anh Đào	58.480.000		48.356.018	
	Nguyễn Thị Trần Thảo	63.700.000			
	Trần Quang Cần	60.000.000			
3	Ban điều hành	48.000.000	470.360.500	90.000.000	
	Phạm Phong				Như nội dung Thành viên HĐQT
	Nguyễn Thế Duy	48.000.000	248.285.500	45.000.000	Phó Tổng Giám đốc, kiêm thư ký Công ty
	Phạm Thái Hùng		222.075.000	45.000.000	

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
Phan Thị Anh Đào		0	0%	1.000	0%	Mua

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tham gia thị trường chứng khoán từ năm 2010, Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ công ty.



Phần V

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



-
- Báo cáo Ban Tổng Giám đốc
 - Báo cáo kiểm toán độc lập
 - Nội dung báo cáo tài chính
-



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Ba công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sông Ba (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba thành Công ty Cổ phần (Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba được thành lập theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung) và Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0400439955 ngày 04/07/2007 (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/01/2015). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SBA. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 01/06/2010.

Vốn điều lệ: 604.882.610.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2016: 604.882.610.000 đồng

Công ty có 3 đơn vị trực thuộc là:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba - Nhà máy Thủy điện Khe Diên;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba - Nhà máy Thủy điện Krông H' năng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba - Trung tâm Tư vấn và Kiểm định an toàn đập.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện có công suất đến 30MW, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV; Tư vấn giám sát xây dựng, quản lý dự án các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Tư vấn kiểm định, giám định chất lượng đập và công trình xây dựng thủy điện; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật (giao thông, hạ tầng cấp nước sinh hoạt nông thôn); Tư vấn điều tra, thu thập, tính toán, dự báo về khí tượng, thủy văn các giai đoạn xây dựng công trình; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, hồ nuôi trồng thủy sản, công trình bảo vệ bờ sông, bờ biển; Tư vấn giám định chất lượng các loại công trình xây dựng; Khảo sát trắc địa công trình;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Xây dựng các công trình thủy điện có công suất đến 30MW, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV; Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy thủy điện; Xây dựng các công trình xây dựng vừa và nhỏ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;



- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác khoáng sản;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét lòng hồ;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Tư vấn đào tạo nghề (quản lý, vận hành nhà máy thủy điện);
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn giải pháp về môi trường, tái định canh, tái định cư;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị cơ điện;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Nghiên cứu chế tạo phần cơ khí, phần điện thuộc nhà máy thủy điện; Chuyển giao công nghệ về kỹ thuật xây dựng, thiết bị;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê đất, nhà xưởng, kho bãi.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 573 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại: (0236) 3653 592 - (0236) 3653 596
- Fax: (0236) 3653 593
- Email: sba2007@songba.vn
- Website: www.songba.vn

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 94 người; trong đó, cán bộ quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Thành | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 10/04/2015 |
| • Ông Thái Văn Thắng | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 10/04/2015 |
| • Ông Phạm Phong | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 10/04/2015 |
| • Ông Nguyễn Lương Minh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10/04/2015 |
| • Ông Trương Thành Nam | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10/04/2015 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Phan Thị Anh Đào | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 22/04/2016 |
| • Bà Nguyễn Thị Trần Thảo | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22/04/2016 |
| | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 10/04/2015 |
| | | Miễn nhiệm ngày 22/04/2016 |
| • Ông Trần Quang Cần | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 10/04/2015 |
| • Ông Trần Ngọc Tuấn | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 10/04/2015 |
| | | Miễn nhiệm ngày 21/04/2016 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Phạm Phong | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 10/04/2015 |
| • Ông Nguyễn Thế Duy | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 02/05/2015 |
| • Ông Phạm Thái Hùng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 01/06/2015 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Phạm Phong

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2017



Số: 222/2017/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Ba

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Ba (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 07/02/2017, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Đặng Xuân Lộc – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1324-2013-010-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		86.738.892.153	102.432.608.228
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.819.783.143	838.160.183
1. Tiền	111	5	14.819.783.143	838.160.183
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.573.199.461	99.337.177.587
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	48.425.521.593	86.672.043.422
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.358.851.758	4.171.207.271
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	12.788.826.110	8.493.926.894
IV. Hàng tồn kho	140	9	2.077.928.466	1.414.039.493
1. Hàng tồn kho	141		2.077.928.466	1.414.039.493
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.267.981.083	843.230.965
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.a	4.846.684.290	86.173.344
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		421.296.793	757.057.621
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.316.146.018.494	1.354.124.521.680
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.004.000.000	2.004.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	2.004.000.000	2.004.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.295.414.238.228	1.333.725.596.192
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.290.232.698.669	1.328.523.028.612
- Nguyên giá	222		1.600.087.543.741	1.600.062.846.380
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(309.854.845.072)	(271.539.817.768)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	5.181.539.559	5.202.567.580
- Nguyên giá	228		5.478.061.800	5.478.061.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(296.522.241)	(275.494.220)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.691.273.761	5.691.273.761
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	5.691.273.761	5.691.273.761
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.036.506.505	12.703.651.727
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	13.036.506.505	12.703.651.727
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.402.884.910.647	1.456.557.129.908

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		714.301.340.927	781.744.291.775
I. Nợ ngắn hạn	310		130.397.340.927	128.870.291.775
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	5.910.174.163	6.714.570.291
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	1.134.215.089	105.622.386
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	18.771.430.469	23.695.695.874
4. Phải trả người lao động	314		1.169.557.865	3.852.637.356
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	8.779.658.446	4.734.120.365
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	25.391.903.134	28.561.582.185
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19.a	67.720.000.000	59.830.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.520.401.761	1.376.063.318
II. Nợ dài hạn	330		583.904.000.000	652.874.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19.b	583.904.000.000	652.874.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		688.583.569.720	674.812.838.133
I. Vốn chủ sở hữu	410		688.583.569.720	674.812.838.133
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	604.882.610.000	604.882.610.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		604.882.610.000	604.882.610.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	(95.000.000)	(95.000.000)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	20	7.260.810.603	6.749.952.910
4. Cổ phiếu quỹ	415	20	(1.588.920.333)	(1.588.920.333)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	13.916.957.675	13.094.426.199
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	64.207.111.775	51.769.769.357
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	20	-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	20	64.207.111.775	51.769.769.357
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.402.884.910.647	1.456.557.129.908



Tổng Giám đốc

Phạm Phong

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Phạm Thái Hùng

Người lập biểu

Trương Ngọc Hùng



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	211.905.171.350	194.925.779.987
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		211.905.171.350	194.925.779.987
4. Giá vốn hàng bán	11	22	67.903.953.844	67.181.704.847
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		144.001.217.506	127.744.075.140
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	33.271.356	87.212.324
7. Chi phí tài chính	22	24	64.384.939.106	63.738.080.830
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	64.181.390.598	61.747.829.453
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	9.515.198.946	8.259.071.801
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		70.134.350.810	55.834.134.833
11. Thu nhập khác	31	26	293.935.090	2.064.776.664
12. Chi phí khác	32	27	811.458.232	376.211.991
13. Lợi nhuận khác	40		(517.523.142)	1.688.564.673
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		69.616.827.668	57.522.699.506
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	5.409.715.893	5.752.930.149
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		64.207.111.775	51.769.769.357
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.065	822
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	1.065	822



Tổng Giám đốc

Phạm Phong

Kế toán trưởng

Phạm Thái Hùng

Người lập biểu

Trương Ngọc Hùng

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		246.259.882.759	158.368.508.530
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(24.760.519.175)	(24.983.045.091)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.344.209.688)	(10.834.732.993)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	17, 24	(64.085.675.264)	(62.352.323.919)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	16	(5.623.744.468)	(2.577.028.486)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		45.449.235.331	31.147.804.023
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(55.024.663.592)	(30.504.629.674)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		126.870.305.903	58.264.552.390
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(410.349.329)	(2.013.180.050)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23	33.271.356	86.186.919
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(377.077.973)	(1.926.993.131)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	19	12.750.300.077	632.454.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	19	(73.830.300.077)	(651.344.909.612)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	18,20	(51.431.604.970)	(41.129.995.487)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(112.511.604.970)	(60.020.905.099)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		13.981.622.960	(3.683.345.840)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	838.160.183	4.521.506.023
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	14.819.783.143	838.160.183



Tổng Giám đốc

Phạm Phong

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Phạm Thái Hùng

Người lập biểu

Trương Ngọc Hùng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sông Ba (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba thành Công ty Cổ phần (Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba được thành lập theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung) và Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0400439955 ngày 04/07/2007 (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/01/2015). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SBA. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 01/06/2010.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện có công suất đến 30MW, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV; Tư vấn giám sát xây dựng, quản lý dự án các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Tư vấn kiểm định, giám định chất lượng đập và công trình xây dựng thủy điện; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật (giao thông, hạ tầng cấp nước sinh hoạt nông thôn); Tư vấn điều tra, thu thập, tính toán, dự báo về khí tượng, thủy văn các giai đoạn xây dựng công trình; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, hồ nuôi trồng thủy sản, công trình bảo vệ bờ sông, bờ biển; Tư vấn giám định chất lượng các loại công trình xây dựng; Khảo sát trắc địa công trình;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Xây dựng các công trình thủy điện có công suất đến 30MW, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV; Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy thủy điện; Xây dựng các công trình xây dựng vừa và nhỏ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác khoáng sản; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét lòng hồ;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Tư vấn đào tạo nghề (quản lý, vận hành nhà máy thủy điện);
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn giải pháp về môi trường, tái định canh, tái định cư;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị cơ điện;

- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Nghiên cứu chế tạo phần cơ khí, phần điện thuộc nhà máy thủy điện; Chuyển giao công nghệ về kỹ thuật xây dựng, thiết bị;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê đất, nhà xưởng, kho bãi.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có 3 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba - Nhà máy Thủy điện Khe Diên;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba - Nhà máy Thủy điện Krông H' năng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba - Trung tâm Tư vấn và Kiểm định an toàn đập.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, phải thu khác và phải thu nội bộ:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;

- Phải thu nội bộ là các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 50
Máy móc, thiết bị	6 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

Trong đó, thời gian khấu hao của các TSCĐ thuộc Nhà máy thủy điện Krông H' năng áp dụng tại Công ty dài hơn so với thời gian khấu hao quy định. Việc điều chỉnh này đã được Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng phê duyệt tại Quyết định số 293/QĐ-STC ngày 29 tháng 06 năm 2011. Theo đó, thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	15

Để đảm bảo việc khấu hao phù hợp với tình hình sử dụng thực tế và tính chất mùa vụ của sản xuất thủy điện, riêng các TSCĐ sử dụng trực tiếp tại Nhà máy thủy điện Khe Diên và Nhà máy thủy điện Krông H' năng được khấu hao theo phương pháp sản lượng. Cụ thể:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích} \\ \text{khấu hao} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Thời gian khấu hao của TSCĐ theo đăng ký với Cơ quan thuế}} \times \frac{\text{Sản lượng điện thực tế đã phát trong kỳ}}{\text{Công suất thiết kế trung bình mỗi năm}}$$

4.5 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Phần mềm máy tính	5

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa: được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng;
- Chi phí trồng rừng: được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 60 tháng;
- Chi phí chăm sóc rừng: được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng kể từ khi nghiệm thu chăm sóc rừng;
- Chi phí bảo hiểm tài sản, xe ô tô: được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn mua trong hợp đồng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.



4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ.


Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá quy định tại các hợp đồng kinh tế. Cụ thể:
 - ✓ Đối với Nhà máy Thủy điện Khe Diên: Căn cứ theo Hợp đồng số 05/2011/KHEDIEN/EVNPC-SBA ngày 31/05/2011 và Phụ lục số 03 ngày 12/10/2016 với Tổng Công ty Điện lực miền Trung (đơn giá cụ thể áp dụng theo biểu giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết Điện lực Việt Nam ban hành hàng năm).
 - ✓ Đối với Nhà máy Thủy điện Krông H'nh: Căn cứ theo Hợp đồng kinh tế số 06/2012/HĐ-NMĐ-KRH ngày 10/06/2012 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03 ngày 24/08/2016 với Tập đoàn điện lực Việt Nam (theo giá phát điện cạnh tranh).
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.

- 
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính



Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán điện thương phẩm; Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - ✓ Đối với Nhà máy thủy điện Khe Diên: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
 - ✓ Đối với Nhà máy thủy điện Krông H' năng: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm (từ năm 2010 đến năm 2024), được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm đầu tiên Nhà máy thủy điện Krông H' năng có thu nhập chịu thuế. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2013 và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014 đến năm 2022.
Những ưu đãi trên đây được quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư số 36121000085 ngày 03 tháng 03 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Phú Yên.
 - ✓ Hoạt động khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	787.921.797	189.884.955
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.031.861.346	648.275.228
Cộng	14.819.783.143	838.160.183



6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	8.214.963.977	12.685.682.691
Công ty mua bán điện	39.229.787.178	73.957.305.704
Các đối tượng khác	980.770.438	29.055.027
Cộng	48.425.521.593	86.672.043.422

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty đầu tư	8.214.963.977	12.685.682.691
Công ty mua bán điện	ĐVTT Tập đoàn Điện lực VN	39.229.787.178	73.957.305.704
Cộng		47.444.751.155	86.642.988.395

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ Thủy lợi	2.969.766.000	2.969.766.000
Công ty CP Phú An Dương	210.440.000	-
Công ty CP Đo đạc địa chính và Công trình Hưng Bình	-	981.850.000
Các đối tượng khác	178.645.758	219.591.271
Cộng	3.358.851.758	4.171.207.271

8. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	12.074.364.614	-	7.792.820.444	-
- Trà Quang Hữu	-	-	2.500.000.000	-
- Nguyễn Đăng Hùng	1.156.913.078	-	1.714.140.078	-
- Trần Văn Tân	1.155.883.000	-	946.953.000	-
- Phan Đình Thạnh	4.422.223.160	-	1.618.853.160	-
- Các đối tượng khác	5.339.345.376	-	1.012.874.206	-
Phải thu khác	714.461.496	-	701.106.450	-
Cộng	12.788.826.110	-	8.493.926.894	-



b. Dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	2.004.000.000	-	2.004.000.000	-
Cộng	2.004.000.000	-	2.004.000.000	-

9. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	933.460.018	-	229.992.395	-
Công cụ, dụng cụ	895.760.000	-	836.450.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	248.708.448	-	347.597.098	-
Cộng	2.077.928.466	-	1.414.039.493	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất tại thời điểm 31/12/2016.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2016.

10. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí bảo hiểm	52.016.018	31.594.754
Chi phí sửa chữa tài sản	1.917.314.361	54.578.590
Chi phí sửa chữa, vật tư thiết bị CTTĐ Không H'năng	1.319.262.364	-
Chi phí trồng và chăm sóc rừng CTTĐ Không H'năng	1.558.091.547	-
Cộng	4.846.684.290	86.173.344

b. Dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	246.650.381	319.785.493
Chi phí trung tu, đại tu tổ máy	3.317.406.333	4.068.852.425
Chi phí vật tư thí nghiệm	55.666.668	113.689.665
Chi phí cắm mốc lòng hồ CTTĐ Krông H'nhăng	2.048.464.083	-
Chi phí cắm mốc lòng hồ CTTĐ Khe Diên	1.287.721.591	-
Chi phí sửa chữa máy biến áp, tài sản	29.198.125	92.336.125
Chi phí xây dựng bản đồ ngập lụt, chi phí khác	57.899.755	117.655.259
Chi phí trồng rừng CTTĐ Krông H'nhăng	5.993.499.569	7.991.332.760
Cộng	<u>13.036.506.505</u>	<u>12.703.651.727</u>



11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	1.184.082.070.885	334.580.065.801	81.158.664.955	242.044.739	1.600.062.846.380
Tăng trong kỳ	-	-	-	51.159.090	51.159.090
Giảm trong kỳ	26.461.729	-	-	-	26.461.729
Số cuối kỳ	1.184.055.609.156	334.580.065.801	81.158.664.955	293.203.829	1.600.087.543.741
Khấu hao					
Số đầu kỳ	131.119.974.240	117.698.405.490	22.479.393.299	242.044.739	271.539.817.768
Khấu hao trong kỳ	19.365.358.846	14.944.489.316	4.005.179.142	-	38.315.027.304
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	150.485.333.086	132.642.894.806	26.484.572.441	242.044.739	309.854.845.072
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	1.052.962.096.645	216.881.660.311	58.679.271.656	-	1.328.523.028.612
Số cuối kỳ	1.033.570.276.070	201.937.170.995	54.674.092.514	51.159.090	1.290.232.698.669

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 1.285.583.859.784 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 3.336.662.318 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về việc mua lại các tài sản cố định có giá trị lớn trong tương lai.
- Căn cứ theo quyết định số 293/QĐ – STC ngày 29/06/2011 của Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng về việc “Phê duyệt phương án thay đổi thời gian sử dụng tài sản cố định”, Công ty đã thực hiện việc điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích của phần lớn các tài sản cố định thuộc Nhà máy thủy điện Krông H’ năng kể từ năm 2011. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã thực hiện việc thay đổi phương pháp tính khấu hao (từ phương pháp khấu hao theo đường thẳng sang phương pháp khấu hao theo sản lượng) đối với các tài sản tham gia trực tiếp sản xuất điện năng và đã gửi công văn thông báo cho Cục thuế (số 223/11/S3-TC ngày 09/06/2011) nhưng cho đến nay vẫn chưa có ý kiến trả lời bằng văn bản của Cục thuế Thành phố Đà Nẵng.
- Ngày 25/04/2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Theo đó tại khoản c, điểm 2, điều 13 quy định một trong các điều kiện áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, khối lượng sản phẩm là công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 100% công suất thiết kế. Ngày 31/07/2013, SBA đã có Công văn số 279/13/S3-TCKT gửi đến Bộ Tài chính đề nghị cho ý kiến hướng dẫn về việc áp dụng đúng quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC vào thực tế hoạt động của Công ty. Ngày 14/10/2013, Bộ Tài chính đã có Công văn số 13633/BTC-TCĐN đồng ý cho Công ty Cổ phần Sông Ba tiếp tục trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp khấu hao theo sản lượng, khối lượng sản phẩm đối với các TSCĐ trực tiếp tham gia sản xuất điện năng mà Công ty đã đăng ký với Cục thuế Thành phố Đà Nẵng trong trường hợp không đạt 100% công suất thiết kế với điều kiện phải đảm bảo cân đối đủ nguồn

trả nợ vay đầu tư của các tổ chức tín dụng và thời gian trích khấu hao không được vượt quá tuổi thọ kỹ thuật của tài sản.

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	5.175.261.800	302.800.000	5.478.061.800
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	5.175.261.800	302.800.000	5.478.061.800
Khấu hao			
Số đầu kỳ	-	275.494.220	275.494.220
Khấu hao trong kỳ	-	21.028.021	21.028.021
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	-	296.522.241	296.522.241
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	5.175.261.800	27.305.780	5.202.567.580
Số cuối kỳ	5.175.261.800	6.277.759	5.181.539.559

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại 573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Quyền sử dụng đất này đang được thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (trình bày tại Thuyết minh số 19).

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 202.800.000 đồng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	01/01/2016
Xây dựng cơ bản	5.691.273.761	5.691.273.761
- Nhà máy thủy điện Krông H'nh 2 (*)	1.291.509.910	1.291.509.910
- Nhà máy thủy điện Sông Tranh 1 (*)	4.399.763.851	4.399.763.851
Cộng	5.691.273.761	5.691.273.761

(*) Dự án NMTĐ Krông H'nh 2 có tổng mức đầu tư là 407.915.000.000 đồng và dự án NMTĐ Sông Tranh 1 có tổng mức đầu tư là 552.646.106.000 đồng. Hai dự án trên đang hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ Công thương phê duyệt để điều chỉnh quy hoạch.



14. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần Tư vấn & Xây dựng Điện 4	1.000.000.000	1.320.000.000
Ban quản lý Dự án Thủy điện 3	3.459.345.969	3.459.345.969
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Hạ tầng và Năng lượng điện	763.636.364	1.095.000.000
Các đối tượng khác	687.191.830	840.224.322
Cộng	5.910.174.163	6.714.570.291

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần Tư vấn & Xây dựng Điện 4	Công ty con của Tập đoàn Điện lực VN	1.000.000.000	1.320.000.000
Ban quản lý Dự án Thủy điện 3	ĐVTТ Tập đoàn Điện lực VN	3.459.345.969	3.459.345.969
Cộng		4.459.345.969	4.779.345.969

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Bảo Phúc Tâm	925.371.821	-
Các đối tượng khác	208.843.268	105.622.386
Cộng	1.134.215.089	105.622.386

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	11.050.859.081	20.736.765.180	24.761.556.131	7.026.068.130
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.249.914.743	5.409.715.893	5.623.744.468	4.035.886.168
Thuế thu nhập cá nhân	24.787.809	1.466.626.376	1.484.254.180	7.160.005
Thuế tài nguyên	6.261.523.601	13.394.561.271	13.962.378.346	5.693.706.526
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Phí dịch vụ môi trường rừng	2.108.610.640	3.432.663.300	3.532.664.300	2.008.609.640
Cộng	23.695.695.874	44.446.332.020	49.370.597.425	18.771.430.469

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.



17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Lãi vay phải trả	2.762.951.840	2.667.236.506
Lãi chậm thanh toán cổ tức	1.057.982.388	855.160.833
Chi phí thực hiện dự án bản đồ chung cho hạ du Sông Ba	242.761.418	214.145.973
Chi phí kiểm định đập Đăk Psi 5	8.252.013	104.315.187
Chi phí giám sát lắp đặt NMTĐ A Roàng	43.421.980	721.092.976
Chi phí tư vấn lập bản đồ NMTĐ Ry Ninh	19.783.676	19.783.676
Chi phí tư vấn phòng chống lụt bão và bảo vệ đập NMTĐ An Điền	16.239.543	10.445.395
Chi phí tư vấn bảo vệ đập NMTĐ A Roàng	72.231.488	72.643.761
Chi phí lập bản đồ hạ du NMTĐ Đăk Pone	-	9.296.058
Chi phí bảo vệ lòng hồ NMTĐ K'rông H'năng	106.666.400	60.000.000
Chi phí khảo sát lập DADT Sông Bung 3A	3.354.407.321	-
Chi phí lập phương án PCLL đảm bảo an toàn đập trong mùa mưa cho cụm NMTĐ Đrây H'linh	250.745.971	-
Chi phí dự án giám sát lắp đặt NMTĐ Đăk Pring	188.553.693	-
Chi phí dự án khảo sát lập dự án đầu tư NMTĐ Tầm Phục	483.433.043	-
Chi phí lập PA Phòng chống lũ lụt TĐ Zahung	106.881.612	-
Chi phí lập bổ sung phương án PCLL vùng hạ du đập thủy điện Ry Ninh	52.912.613	-
Chi phí bảo vệ đập Ry Ninh	12.433.447	-
Cộng	8.779.658.446	4.734.120.365

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
Cổ tức phải trả	24.626.277.308	27.827.217.478
Phải trả khác	765.625.826	734.364.707
Cộng	25.391.903.134	28.561.582.185

Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Cổ tức phải trả - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty đầu tư	18.916.000.000	23.645.000.000
Cộng		18.916.000.000	23.645.000.000



19. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	13.000.000.000	12.750.300.077	25.750.300.077	-
- Ngân hàng Phương Đông CN Q.Nam	13.000.000.000	12.750.300.077	25.750.300.077	-
Vay dài hạn đến hạn trả	46.830.000.000	68.970.000.000	48.080.000.000	67.720.000.000
- Ngân hàng Ngoại thương CN Đà Nẵng	5.830.000.000	6.970.000.000	7.080.000.000	5.720.000.000
- Ngân hàng Phương Đông CN Q.Nam	41.000.000.000	62.000.000.000	41.000.000.000	62.000.000.000
Cộng	59.830.000.000	81.720.300.077	73.830.300.077	67.720.000.000

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	699.704.000.000	-	48.080.000.000	651.624.000.000
- Ngân hàng Ngoại thương CN Đà Nẵng	110.704.000.000		7.080.000.000	103.624.000.000
- Ngân hàng Phương Đông CN Q.Nam	589.000.000.000		41.000.000.000	548.000.000.000
Cộng	699.704.000.000	-	48.080.000.000	651.624.000.000
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	46.830.000.000			67.720.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	652.874.000.000			583.904.000.000

Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo 2 hợp đồng vay vốn tín dụng:

- Tại ngày 07/02/2013, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 34/2013/VCB-KHDN với hạn mức 50.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng và được điều chỉnh 1 quý/1lần.
- Tại ngày 14/05/2014, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 162/2014/VCB-KHDN với hạn mức 77.650.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng và được điều chỉnh 1 quý/1lần.

Mục đích của khoản vay là để bù đắp vốn tự có của Công ty tham gia đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Khe Diên. Khoản vay được bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất lâu dài tại 573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng và Nhà máy thủy điện Khe Diên.

Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Quảng Nam theo hợp đồng vay dài hạn số 024/2015/HỆTD-DN ngày 26/03/2015 với hạn mức 620.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất theo thông báo của Ngân hàng TMCP Phương Đông

- Chi nhánh Quảng Nam và được điều chỉnh 1 quý/1lần. Mục đích của khoản vay nhằm tái tài trợ dự án thủy điện Krông H'nh (cho vay mua nợ của Công ty Cổ phần Sông Ba tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên). Hình thức bảo đảm tiền vay: Nhà máy thủy điện Krông H'nh.

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2015	604.882.610.000	(95.000.000)	4.692.172.664	(1.588.920.333)	10.420.123.594	67.535.565.155
Tăng trong kỳ	-	-	2.057.780.246	-	2.674.302.605	51.769.769.357
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	67.535.565.155
Số dư tại 31/12/2015	<u>604.882.610.000</u>	<u>(95.000.000)</u>	<u>6.749.952.910</u>	<u>(1.588.920.333)</u>	<u>13.094.426.199</u>	<u>51.769.769.357</u>
Số dư tại 01/01/2016	604.882.610.000	(95.000.000)	6.749.952.910	(1.588.920.333)	13.094.426.199	51.769.769.357
Tăng trong kỳ	-	-	510.857.693	-	822.531.476	64.207.111.775
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	51.769.769.357
Số dư tại 31/12/2016	<u>604.882.610.000</u>	<u>(95.000.000)</u>	<u>7.260.810.603</u>	<u>(1.588.920.333)</u>	<u>13.916.957.675</u>	<u>64.207.111.775</u>

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	236.450.000.000	236.450.000.000
Các cổ đông khác	366.433.310.000	366.433.310.000
Mệnh giá của cổ phiếu quỹ	1.999.300.000	1.999.300.000
Cộng	<u>604.882.610.000</u>	<u>604.882.610.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2016	Năm 2015
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	604.882.610.000	604.882.610.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	604.882.610.000	604.882.610.000
Cổ tức đã chia	48.230.664.800	60.288.331.000



d. Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.488.261	60.488.261
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.488.261	60.488.261
- Cổ phiếu phổ thông	60.488.261	60.488.261
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	199.930	199.930
- Cổ phiếu phổ thông	199.930	199.930
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.288.331	60.288.331
- Cổ phiếu phổ thông	60.288.331	60.288.331
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	51.769.769.357	67.535.565.155
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	64.207.111.775	51.769.769.357
Phân phối lợi nhuận	51.769.769.357	67.535.565.155
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	51.769.769.357	67.535.565.155
+ Quỹ dự trữ bổ sung	510.857.693	2.057.780.246
+ Quỹ đầu tư phát triển	822.531.476	2.674.302.605
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.021.715.388	1.337.151.304
+ Quỹ thưởng Ban điều hành	500.000.000	500.000.000
+ Chi trả cổ tức	48.230.664.800	60.288.331.000
+ Thù lao HĐQT & BKS	684.000.000	678.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	64.207.111.775	51.769.769.357

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2016.

f. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2016 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2015 bằng tiền với tỷ lệ 08%/vốn điều lệ (tương ứng 48.230.664.800 đồng). Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức này trong năm 2016.



21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu bán điện	206.893.448.519	192.868.359.754
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.011.722.831	2.057.420.233
Cộng	211.905.171.350	194.925.779.987

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn bán điện	63.014.974.372	65.203.416.162
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.888.979.472	1.978.288.685
Cộng	67.903.953.844	67.181.704.847

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	33.271.356	86.186.919
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	1.025.405
Cộng	33.271.356	87.212.324

24. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí lãi vay	64.181.390.598	61.747.829.453
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	1.123.533.712
Lãi chậm thanh toán cổ tức	202.821.555	855.160.833
Chi phí tài chính khác	726.953	11.556.832
Cộng	64.384.939.106	63.738.080.830



25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	486.498.940	266.587.621
Chi phí nhân công	6.739.102.595	5.824.019.983
Chi phí khấu hao tài sản cố định	356.053.898	406.018.895
Chi phí dịch vụ mua ngoài	960.894.822	846.042.534
Các khoản khác	972.648.691	916.402.768
Cộng	9.515.198.946	8.259.071.801

26. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
Thu sử dụng điện NM K'ông H'ặng	222.336.648	158.322.474
Phí môi trường rừng năm 2011, 2012 được thanh toán lại	-	1.259.952.000
Phí môi trường rừng năm 2011 không phải nộp	-	357.023.560
Các khoản khác	71.598.442	289.478.630
Cộng	293.935.090	2.064.776.664

27. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí tiền điện NM K'ông H'ặng	222.336.647	158.322.472
Phí quản lý niêm yết	66.291.408	67.021.821
Tiền chậm nộp thuế, phí	476.163.777	-
Chi phí khác	46.666.400	150.867.698
Cộng	811.458.232	376.211.991

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	69.616.827.668	57.522.699.506
- Hoạt động chính của NM Thủy điện Khe Diên	12.408.238.287	16.328.076.106
- Hoạt động chính của NM Thủy điện Krông H'năng	57.120.791.534	41.120.762.400
- Hoạt động chính của Trung tâm Tư vấn	3.355.495	1.391.463
- Hoạt động chính của Văn phòng Công ty	84.442.352	72.469.537
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	747.891.740	1.175.152.988
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lý, hợp lệ)	747.891.740	1.175.152.988
+ Nhà máy Thủy điện Khe Diên	41.718.332	94.543.533
+ Nhà máy Thủy điện Krông H'năng	634.061.723	1.000.398.770
+ Trung tâm Tư vấn	-	1.546.149
+ Văn phòng Công ty	72.111.685	78.664.536
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	70.364.719.408	58.697.852.494
- Thu nhập từ hoạt động của NM Thủy điện Khe Diên	12.449.956.619	16.422.619.639
- Thu nhập từ hoạt động của NM Thủy điện Krông H'năng	57.754.853.257	42.121.161.170
- Thu nhập từ hoạt động của Trung tâm Tư vấn	3.355.495	2.937.612
- Thu nhập từ hoạt động của Văn phòng Công ty	156.554.037	151.134.073
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định	8.297.458.556	7.858.988.208
+ Nhà máy Thủy điện Khe Diên	2.489.991.324	3.612.976.320
+ Nhà máy Thủy điện Krông H'năng	5.775.485.326	4.212.116.117
+ Trung tâm Tư vấn	671.099	646.275
+ Văn phòng Công ty	31.310.807	33.249.496
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	2.887.742.663	2.106.058.059
+ Nhà máy Thủy điện Khe Diên	-	-
+ Nhà máy Thủy điện Krông H'năng (50%)	2.887.742.663	2.106.058.059
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.409.715.893	5.752.930.149
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	5.409.715.893	5.752.930.149
+ Nhà máy Thủy điện Khe Diên	2.489.991.324	3.612.976.320
+ Nhà máy Thủy điện Krông H'năng	2.887.742.663	2.106.058.058
+ Trung tâm Tư vấn	671.099	646.275
+ Văn phòng Công ty	31.310.807	33.249.496



29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	64.207.111.775	51.769.769.357
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(2.205.715.388)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng BĐH, thù lao HĐQT và BKS)	-	2.205.715.388
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	64.207.111.775	49.564.053.969
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	60.288.331	60.288.331
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.065	822

(*) Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu của năm 2016 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi. Kế hoạch Đại hội cổ đông cũng như Điều lệ Công ty không quy định cụ thể tỷ lệ trích quỹ. Hàng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đạt được cuối năm, Ban điều hành sẽ đề xuất tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cụ thể. Do đó, số liệu này có thể thay đổi tùy thuộc vào Quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông sau này.

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.881.945.511	8.701.945.831
Chi phí nhân công	14.930.355.670	13.960.925.069
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.336.055.325	37.225.591.748
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.100.323.582	6.936.042.818
Chi phí khác bằng tiền	8.071.584.052	8.860.545.256
Cộng	77.320.264.140	75.685.050.722

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là sản xuất điện năng và ba bộ phận địa lý chính là Tỉnh Quảng Nam, Tỉnh Đắk Lắk và Tỉnh Phú Yên.



32. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá mua của nguyên vật liệu. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung và Công ty mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Với đặc thù kinh doanh mua bán điện tại Việt Nam, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...



Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	5.910.174.163	-	5.910.174.163
Chi phí phải trả	8.779.658.446	-	8.779.658.446
Vay và nợ thuê tài chính	67.720.000.000	583.904.000.000	651.624.000.000
Phải trả khác	25.391.903.134	-	25.391.903.134
Cộng	107.801.735.743	583.904.000.000	691.705.735.743
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	6.714.570.291	-	6.714.570.291
Chi phí phải trả	4.734.120.365	-	4.734.120.365
Vay và nợ thuê tài chính	59.830.000.000	652.874.000.000	712.704.000.000
Phải trả khác	28.561.582.185	-	28.561.582.185
Cộng	99.840.272.841	652.874.000.000	752.714.272.841

Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức rất cao nhưng Công ty tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.819.783.143	-	14.819.783.143
Phải thu khách hàng	48.425.521.593	-	48.425.521.593
Phải thu khác	714.461.496	2.004.000.000	2.718.461.496
Cộng	63.959.766.232	2.004.000.000	65.963.766.232
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	838.160.183	-	838.160.183
Phải thu khách hàng	86.672.043.422	-	86.672.043.422
Phải thu khác	701.106.450	2.004.000.000	2.705.106.450
Cộng	88.211.310.055	2.004.000.000	90.215.310.055

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ			
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung Công ty mua bán điện	Công ty đầu tư, đồng thời là Công ty con của Tập đoàn Điện lực VN ĐVTT Tập đoàn Điện lực VN			

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Giao dịch	Năm 2016	Năm 2015
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Doanh thu bán điện	39.976.782.809	46.555.739.380
	Cổ tức phải trả	18.916.000.000	23.645.000.000
	Cổ tức đã trả	23.645.000.000	5.000.000.000
	Mua điện	550.684.860	657.471.298
Công ty mua bán điện	Doanh thu bán điện	166.894.736.469	146.291.543.153

c. Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ

	Năm 2016	Năm 2015
Thù lao, thưởng Hội đồng quản trị	745.500.000	932.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.863.470.868	1.406.084.281

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

35. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Phạm Phong

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Phạm Thái Hùng

Người lập biểu

Trương Ngọc Hùng



Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	NMTĐ Khe Diên - Tỉnh Q.Nam		NMTĐ Krông H'Năng - Tỉnh Đắklăk & Phú Yên		VPCT & TTTV-KĐ AT đập		Tổng cộng	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng & CC d.vụ	39.998.712.050	46.576.816.601	166.894.736.469	146.291.543.153	5.011.722.831	2.057.420.233	211.905.171.350	194.925.779.987
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	15.043.224.161	19.060.469.376	47.971.750.211	46.142.946.786	4.888.979.472	1.978.288.685	67.903.953.844	67.181.704.847
Doanh thu hoạt động tài chính	345.700	873.800	764.100	769.500	32.161.556	85.569.024	33.271.356	87.212.324
Chi phí tài chính	10.243.240.044	10.414.815.310	54.141.699.062	53.323.265.520	-	-	64.384.939.106	63.738.080.830
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.267.226.126	2.343.224.029	7.230.019.594	5.672.644.234	17.953.226	243.203.538	9.515.198.946	8.259.071.801
Lợi nhuận thuần h.động KD	12.445.367.419	14.759.181.686	57.552.031.702	41.153.456.113	136.951.689	(78.502.966)	70.134.350.810	55.834.134.833
Thu nhập khác	4.589.200	1.621.079.560	-	-	289.345.890	443.697.104	293.935.090	2.064.776.664
Chi phí khác	41.718.332	52.185.140	431.240.168	32.693.713	338.499.732	291.333.138	811.458.232	376.211.991
Lãi (lỗ) hoạt động khác	(37.129.132)	1.568.894.420	(431.240.168)	(32.693.713)	(49.153.842)	152.363.966	(517.523.142)	1.688.564.673
Lợi nhuận trước thuế	12.408.238.287	16.328.076.106	57.120.791.534	41.120.762.400	87.797.847	73.861.000	69.616.827.668	57.522.699.506
Thuế TNDN	2.489.991.324	3.612.976.320	2.887.742.663	2.106.058.058	31.981.906	33.895.771	5.409.715.893	5.752.930.149
Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.918.246.963	12.715.099.786	54.233.048.871	39.014.704.342	55.815.941	39.965.229	64.207.111.775	51.769.769.357
Tài sản cố định	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
Tài sản cố định hữu hình	115.064.833.524	122.309.639.813	1.170.519.026.260	1.201.254.221.398	4.648.838.885	4.959.167.401	1.290.232.698.669	1.328.523.028.612
- Nguyên giá	191.229.990.673	191.229.990.673	1.401.454.456.556	1.401.454.456.556	7.403.096.512	7.378.399.151	1.600.087.543.741	1.600.062.846.380
- Giá trị hao mòn	76.165.157.149	68.920.350.860	230.935.430.296	200.200.235.158	2.754.257.627	2.419.231.750	309.854.845.072	271.539.817.768
Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	5.181.539.559	5.202.567.580	5.181.539.559	5.202.567.580
- Nguyên giá	-	-	-	-	5.478.061.800	5.478.061.800	5.478.061.800	5.478.061.800
- Hao mòn lũy kế	-	-	-	-	296.522.241	275.494.220	296.522.241	275.494.220



XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA

(Người đại diện theo pháp luật)

